

"Vết lối kể chuyện vô cùng thấm thía và sâu lắng!"

— New York Times Book Review

Bởi vì
Winn-Dixie

KATE DICAMILLO



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

nhà nam

Mục Lục

Tác giả

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 16

Chương 17

Chương 18

Chương 19

Chương 20

Chương 21

Chương 22

Chương 23

Chương 24

Chương 25

Chương 26

Tác giả



Kate DiCamillo sinh tại Philadelphia, Pennsylvania, năm 1964. Lên năm tuổi, cô chuyển tới Clermont và từ đấy sống ở miền Nam nước Mỹ. Kate tốt nghiệp trường Đại học Florida. Cô viết sách cho cả thiếu nhi lẫn người lớn. Ngoài *Bởi vì Winn-Dixie* (2000), các tác phẩm dành cho trẻ em của cô còn có *The Tiger Rising* (Giải thưởng sách quốc gia năm 2001), *The Tale of Despereaux* (Chuyện Despereaux - Huân chương Newbery năm 2004), *The Miraculous Journey of Edward Tulane* (Chuyến phiêu lưu diệu kỳ của Edward Tulane - Giải thưởng Boston Globe-Horn 2006), *The Magician's Elephant* (2009)... *Bởi vì Winn-Dixie* đã giành được nhiều giải thưởng lớn ngay từ lần đầu xuất bản, trong đó có cả Huy chương Newbery năm 2001. Cuốn sách đầu tay này của Kate DiCamillo trở nên hết sức nổi tiếng tại Mỹ, Anh, cũng như khắp thế giới. Kate đã nói về *Bởi vì Winn-Dixie*: “Tác phẩm này (tôi hy vọng) là một bài hát ngợi ca những chú chó cũng như tình bạn, và cả ngợi ca miền Nam.” Kate DiCamillo hiện đang sống tại Minneapolis, bang Minnesota.

Dành tặng Tracey và Beck

bởi họ đã lắng nghe trước nhất...

Chương 1

Tên tôi là India Opal Buloni. Mùa hè năm trước, cha tôi - một mục sư - đưa tôi đến cửa hàng tạp hóa để mua một hộp mì ống trộn pho mát, một ít gạo trắng, hai quả cà chua và tôi trở ra với một chú chó. Chuyện đã xảy ra như sau: Tôi bước vào gian hàng nông sản của Winn-Dixie để lấy hai quả cà chua và suýt chút nữa đã đâm vào người quản lý cửa hàng. Ông ta đứng đó mặt đỏ nhừ, la hét và tay chân huơ loạn xạ.

“Kẻ nào đã đưa con chó vào đây?” ông ta cứ gào lên. “Kẻ nào đã đưa con chó bản thủ này vào đây?”

Ban đầu tôi không nhìn thấy con chó bởi có quá nhiều thứ rau quả lộn xộn trên sàn nhà, cà chua, hành, lại còn cả ớt xanh. Và dường như tất cả nhân viên Winn-Dixie cũng đang nháo nhác khoa chân múa tay giống hệt ông chủ mình.

Cuối cùng con chó xuất hiện chạy xung quanh góc phòng. Đó là một con chó to đùng xấu xí, điệu bộ có vẻ như đang chơi đùa rất thích thú. Lưỡi của nó thè ra ngoài và cái đuôi thì ve vẩy. Bất chợt nó dừng lại và toét miệng cười với tôi. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một con chó cười, nhưng đó chính xác là những gì con chó này vừa làm. Nó kéo vành môi khoe ra cả hàm răng của mình. Sau đó nó vẩy đuôi mạnh đến mức làm đổ mấy quả cam trên giá, khiến chúng lăn lóc khắp nơi, trộn lẫn vào đám cà chua, hành và ớt xanh.

Người quản lý hét lên, “Ai đó tóm con chó đấy lại!”

Con chó chạy lại phía ông ta, vẩy đuôi và toét miệng ra cười. Nó chồm lên bằng hai chân sau. Có thể nói tất cả những gì nó muốn chỉ là mặt đối mặt với người chủ cửa hàng để cảm ơn vì khoảng thời gian tuyệt vời chơi đùa trong gian hàng này, nhưng bằng cách nào đó thật không may, nó lại đẩy ông ngã nhào xuống đất. Ông chủ cửa hàng hẳn là đã có một ngày tồi tệ,

bởi khi nằm đó trên sàn, ngay trước mặt mọi người, ông tu lên khóc. Con chó chồm qua người ông, tỏ thái độ quan tâm thực sự, bắt đầu liếm láp mặt người quản lý.

“Làm ơn,” ông thốn thức. “Ai đó làm ơn gọi trung tâm nuôi giữ động vật.”

“Chờ chút!” tôi la lên. “Đây là con chó của cháu. Xin đừng gọi trung tâm nuôi giữ động vật.”

Tất cả nhân viên Winn-Dixie quay lại nhìn tôi, và tôi biết mình vừa làm một việc to tát lắm, có thể là cả ngu ngốc nữa. Nhưng tôi không dừng lại được. Tôi không thể để con chó này đến trung tâm nuôi giữ động vật.

“Lại đây nào, cậu bé,” tôi gọi.

Con chó ngừng liếm, dỏng tai lên và chăm chú nhìn tôi, như thể đang cố gắng nghĩ xem đã từng gặp tôi ở đâu.

“Lại đây, cậu bé,” tôi nhắc lại lần nữa. Và sau đó tôi chợt nhận ra rằng giống như bất kỳ ai khác trên thế giới này, nó chắc hẳn muốn được gọi bằng một cái tên. Nhưng bởi không biết tên con chó là gì, tôi đành gọi nó bằng cái tên đầu tiên vụt qua đầu tôi. “Lại đây nào, Winn-Dixie.”

Và con chó chạy đến với tôi, như thể nó đã làm việc đó suốt cả đời nó vậy.

Người quản lý đứng dậy, nhìn tôi chăm chăm, cứ như tôi vừa đưa ông ta ra làm trò đùa.

“Đây là tên nó,” tôi nói. “Thật đấy.”

Ông ta hỏi, “Cháu không biết là không được mang chó vào trong cửa hàng tạp hóa sao?”

“Có, cháu biết,” Tôi trả lời. “Không hiểu sao nó lại vào được đây. Cháu xin lỗi. Chuyện này sẽ không xảy ra lần nữa đâu ạ.”

“Đi nào, Winn-Dixie,” tôi quay sang con chó.

Tôi bắt đầu bước đi và con chó theo chân tôi đi qua gian hàng nông sản, qua giá bày ngũ cốc, qua tất cả các quầy tính tiền và ra khỏi cửa.

Một khi đã an toàn ở ngoài, tôi cẩn thận kiểm tra con chó. Con chó có vẻ không ổn lắm. Thân hình nó to, nhưng gầy; có thể nhìn rõ từng khúc xương sườn. Khắp người nó bị trụi từng mảng, những mảng không hề có lông. Trông nó giống một tấm thảm lớn màu nâu bị quẳng ra ngoài trong cơn mưa.

“Mày lộn xộn quá,” tôi nói với nó. “Tao đoán là mày chẳng thuộc về ai cả.”

Nó cười với tôi. Lại một lần nữa, nó kéo rộng vành môi và khoe ra cả hàm răng. Con chó cười tươi đến mức hắt hơi một cái. Cứ như thể nó đang châm chọc, “Tôi biết mình lộn xộn mà, không vui sao?”

Thật khó để không yêu ngay lập tức một chú chó hài hước như thế.

“Đi nào,” tôi gọi. “Hãy xem mục sư sẽ nói gì về mày.”

Và hai chúng tôi, tôi và Winn-Dixie, bắt đầu trở về nhà.

Chương 2

Mùa hè tôi tìm thấy Winn-Dixie cũng là mùa hè tôi và ngài mục sư chuyển đến Naomi, Florida để ông trở thành mục sư mới cho Nhà thờ Báp-tít Cánh tay Rộng mở ở đây. Cha tôi là một mục sư giỏi và là người tốt bụng, nhưng đôi khi thật khó để tôi có thể nghĩ về ông như một người cha. Ông dành quá nhiều thời gian để giảng đạo, suy nghĩ về những bài giảng hay chuẩn bị sẵn sàng cho các bài giảng. Vì thế, trong thâm tâm, tôi thầm nghĩ về ông như một “ngài mục sư”. Trước khi tôi ra đời, ông đã đi truyền giáo ở Ấn Độ và đó là lý do tôi được đặt tên là India. Nhưng ông thường gọi tôi theo tên thứ hai của tôi, Opal - cũng là tên của bà tôi. Ông yêu mẹ mình nhiều lắm.

Dù sao thì, khi đi trên đường cùng Winn-Dixie, tôi kể cho nó nghe về nguồn gốc cái tên của mình và lý do tôi chuyển đến Naomi. Tôi cũng kể cho nó về ngài mục sư và chuyện ông là một người tốt như thế nào, ngay cả khi ông quá bận rộn với những bài thuyết giáo, những bài giảng đạo và những người đang đau khổ đến mức không thể đi mua sắm ở cửa hàng bách hóa được.

“Nhưng mày biết sao không?” tôi nói với Winn-Dixie, “mày là một con chó đang đau khổ, nên rất có thể cha sẽ quan tâm đến mày ngay lập tức. Có thể cha sẽ cho phép tao giữ mày.”

Winn-Dixie ngược lên nhìn tôi và vẫy đuôi. Nó đi tập tễnh như thể một trong những cái chân của nó bị làm sao vậy. Và tôi buộc phải thừa nhận rằng nó có bốc mùi. Tệ quá! Nó là con chó xấu xí, nhưng tôi đã yêu nó ngay lập tức bằng cả trái tim.

Khi chúng tôi tới Bãi đỗ xe moóc Góc Thân thiện, tôi nhắc Winn-Dixie phải cư xử đúng mực và trật tự, bởi đây là bãi đỗ xe toàn người lớn và lý do

duy nhất tôi ở đây là bởi “ngài mục sư” là một mục sư và tôi là một đứa trẻ ngoan ngoãn, trật tự. Tôi là đứa trẻ mà người quản lý Bãi đỗ xe moóc Góc Thân thiện gọi là “một ngoại lệ”. Vì thế, Winn-Dixie cũng sẽ phải cư xử như “một ngoại lệ”, cụ thể, nó sẽ không được đánh nhau với những con mèo của ông Alfred hay con chó giống Yorkie nhỏ lắm lời có tên là Samuel của bà Detweller. Winn-Dixie chăm chú nhìn tôi khi tôi nhắc nhở nó về mọi thứ, và tôi cam đoan là nó hiểu.

“Ngồi xuống,” tôi ra lệnh khi chúng tôi đến xe moóc của mình, và nó ngồi xuống ngay lập tức. Con chó thật biết cách cư xử! “Ở yên đây,” tôi bảo với nó. “Tao sẽ trở lại ngay.”

Ngài mục sư đang ngồi trong phòng khách, làm việc tại một cái bàn gấp nho nhỏ. Ông để giấy tờ khắp xung quanh và tay đang bóp nhẹ chóp mũi, điều đó có nghĩa là ông đang tập trung suy nghĩ. Hừm, sẽ khó đây!

“Cha ơi?” tôi gọi.

“Ừm,” ông trả lời.

“Cha luôn dạy con là phải biết giúp đỡ những ai kém may mắn hơn mình đúng không ạ?”

“Ừm-ừm,” ông nói. Ông lại bóp bóp cái mũi và lục tìm xung quanh đồng giấy tờ lộn xộn của mình.

“Dạ,” tôi tiếp tục, “con vừa tìm thấy một kẻ kém may mắn ở cửa hàng tạp hóa.”

“Thật sao?” ông đáp lại.

“Vâng, cha ạ,” tôi trả lời và chăm chú nhìn ngài mục sư. Thình thoảng ông khiến tôi liên tưởng đến một con rùa ẩn nấp trong mai, suy nghĩ về mọi thứ và chẳng bao giờ thềm lộ đầu ra với thế giới. “Cha, con đang suy nghĩ.

Liệu kẻ kém may mắn đó, liệu kẻ đó có thể ở cùng chúng ta một thời gian được không?”

Cuối cùng ngài mục sư cũng chịu ngẩng lên nhìn tôi. “Opal, con đang nói về cái gì vậy?”

“Con tìm thấy một con chó,” tôi rụt rè. “Và con muốn được giữ nó.”

“Không chó,” ngài mục sư dứt khoát. “Chúng ta đã nói về chuyện đó trước đây rồi. Con không cần một con chó.”

“Con biết,” tôi tha thiết. “Con biết con không cần một con chó. Nhưng con chó này cần con. Cha nhìn này,” tôi nói. Tôi bước ra cửa xe moóc và gọi lớn, “Winn-Dixie!”

Tai của Winn-Dixie liền dựng đứng lên trong không khí, nó nhe răng ra cười và lại hắt hơi. Sau đó nó tập tễnh đi lên bậc cầu thang vào trong xe moóc, dúi đầu ngay vào lòng ngài mục sư, đề người lên đồng giấy tờ. Ngài mục sư nhìn Winn-Dixie. Ông nhìn những cái xương sườn, bộ lông bù xù và những mảng trụi của nó. Ông khẽ nhăn mũi. Như tôi đã nói, con chó có mùi khá tệ.

Winn-Dixie ngược nhìn ngài mục sư. Nó kéo vành môi ra sau, khoe ngài mục sư cả hàm răng khắp khểnh đã ngả màu vàng, vẩy đuôi rối rít làm rơi vài tờ giấy của ông xuống đất. Rồi nó hắt hơi, và lại khiến thêm một vài tờ giấy nữa bay ra khỏi bàn.

“Con gọi con chó là gì?” ông hỏi lại.

“Winn-Dixie,” tôi lí nhí. Tôi không đủ can đảm nói rõ ràng. Tôi có thể thấy Winn-Dixie đã có ảnh hưởng tốt lên ngài mục sư. Ít nhất nó cũng khiến ông chui ra khỏi cái mai của mình.

“Hừm,” ông nói. “Nó là một con chó đi lạc nếu đúng như những gì ta thấy.” Ông bỏ bút chì xuống và khẽ gãi tai Winn-Dixie. “Cũng là một kẻ kém

may mắn nữa, chắc chắn rồi. Mà đang tìm một mái nhà phải không?” ngài mục sư hỏi Winn-Dixie, hết sức nhẹ nhàng.

Con chó vẫy đuôi mừng rỡ.

“Chà, thế thì chắc là mày tìm được rồi đấy.”

Chương 3

Tôi bắt đầu lo cho Winn-Dixie ngay lập tức, cố gắng làm cho nó trở lên sạch sẽ. Đầu tiên tôi tắm cho nó bằng vòi nước tưới cây và một ít sữa tắm trẻ em. Mặc dù nó đứng im cho tôi làm, tôi có thể nói chắc chắn rằng nó không thích như thế. Trông nó như thể bị xúc phạm vậy. Suốt thời gian đó, nó không hề mỉm cười hay vẫy đuôi. Sau khi tắm rửa và lau khô sạch sẽ, tôi chải lông cho nó bằng chính lược của mình, tỉ mỉ gỡ từng đám lông rối, lông thừa. Winn-Dixie không ghét việc chải lông. Nó khẽ đung đưa cái lưng ra vẻ khoái chí.

Trong lúc đó, tôi tranh thủ nói chuyện với Winn-Dixie và nó lắng nghe chăm chú. Tôi nói cho nó nghe chúng tôi giống nhau như thế nào. “Mày thấy không, mày không có gia đình và tao cũng vậy. Dĩ nhiên tao có ngài mục sư, nhưng tao không có mẹ. Ý tao là tao có, nhưng tao không biết bà ấy đang ở đâu. Mẹ bỏ đi khi tao mới ba tuổi, và tao chẳng nhớ gì về bà cả. Tao cá là mày cũng chẳng nhớ về mẹ mày nhiều hơn tao. Thế nên chúng ta gần như là mồ côi vậy.”

Winn-Dixie nhìn thẳng vào mắt tôi khi tôi nói, như thể được an ủi bởi cuối cùng cũng có người hiểu được hoàn cảnh của nó. Tôi gật đầu với nó và tiếp tục nói.

“Tao không có người bạn nào cả, bởi tao phải bỏ lại tất cả khi chuyển từ Watley đến đây. Watley ở phía Bắc Florida. Mày đã bao giờ lên phía Bắc Florida chưa?”

Winn-Dixie cúi nhìn xuống đất. Có lẽ nó đang cố gắng nhớ xem mình đã đến đó hay chưa.

“Mày biết không?” tôi nói. “Kể từ khi chuyển đến đây, tao bắt đầu nghĩ đến mẹ nhiều lắm, nhiều hơn khi tao còn ở Watley rất nhiều.”

Winn-Dixie giật mạnh cái tai và nhướn đôi lông mày.

“Tao nghĩ ngài mục sư cũng luôn nghĩ đến mẹ tao. Ông vẫn còn yêu mẹ tao, tao biết điều đó khi nghe những người phụ nữ ở nhà thờ Watley nói chuyện về ông. Họ nói ông vẫn hy vọng bà sẽ trở về, nhưng ông không nói với tao điều đó. Ông không nói gì với tao về mẹ cả. Tao muốn biết nhiều hơn về mẹ. Nhưng tao sợ phải hỏi ông; tao sợ ông sẽ nổi điên lên với tao mất.”

Winn-Dixie nhìn tôi chăm chú, như thể đang cố gắng nói gì đó.

“Gì cơ?” tôi hỏi.

Nó vẫn nhìn tôi.

“Mày nghĩ tao nên yêu cầu ngài mục sư kể cho tao nghe về mẹ?”

Winn-Dixie càng dăm dăm nhìn tôi đến nỗi hắt hơi một cái.

“Tao sẽ suy nghĩ về điều đó.”

Khi công việc với Winn-Dixie xong xuôi, trông nó khá hơn rất nhiều. Lông nó vẫn còn những mảng trụi, nhưng đã được chải chuốt đẹp đẽ, trở nên sáng bóng và mềm mại. Xương sườn của nó vẫn lộ ra, nhưng tôi sẽ cho nó ăn uống thật tốt. Tuy nhiên, tôi vẫn không thể làm gì với hàm răng vàng khắp khểnh bởi nó liên tục hắt hơi ngay khi tôi bắt đầu đánh răng cho nó bằng chính bàn chải của mình. Cuối cùng tôi đành bỏ cuộc. Nhưng nhìn chung, trông nó đã khá khảm lên rất nhiều và tôi quyết định đưa nó vào trong xe moóc khoe với ngài mục sư.

“Cha ơi,” tôi gọi.

“Ừm,” ông trả lời. Ông đang bận bịu với một bài giảng đạo và gần như là tự lảm bảm với chính mình.

“Cha, con muốn cho cha xem một Winn-Dixie mới.”

Ngài mục sư bỏ bút chì xuống, gãi mũi và cuối cùng cũng chịu nhìn lên.

“Ồ,” ông nói, cười thật tươi với Winn-Dixie, “Giờ thì mày nhìn cũng bảnh bao đấy chứ.”

Winn-Dixie toét miệng ra cười đáp lại ngài mục sư. Nó bước tới và ngả đầu vào lòng ông.

“Thơm tho nữa”, ông xoa đầu Winn-Dixie và nhìn vào mắt nó.

“Cha,” tôi nói, thật nhanh trước khi lại mất hết can đảm, “con vừa nói chuyện với Winn-Dixie.”

“Thật sao?” ngài mục sư nói, gãi gãi cái đầu Winn-Dixie.

“Con vừa nói chuyện với nó và nó đồng ý với con rằng, con đã mười tuổi và cha nên nói với con mười điều về mẹ. Chỉ mười điều thôi, chỉ có vậy thôi.”

Ngài mục sư ngừng xoa đầu Winn-Dixie và thực sự im lặng. Tôi có thể thấy ông đang suy nghĩ về việc thu đầu trở lại vào trong cái mai rùa của mình.

“Một điều cho mỗi năm con sống,” tôi nói với ông, “đi mà cha”.

Winn-Dixie ngước lên nhìn ông và khẽ huých ông với cái mũi của mình.

Ngài mục sư thở dài. Ông nói với Winn-Dixie, “Lẽ ra tao phải đoán trước được là mày sẽ gây rắc rối.” Rồi ông nhìn tôi. “Lại đây nào Opal. Ngồi xuống đi, cha sẽ kể cho con nghe mười điều về mẹ.”

Chương 4

“Một là,” ông bắt đầu. Chúng tôi ngồi trên đi vắng và Winn-Dixie ngồi giữa. Winn-Dixie đã quyết định rằng nó cực kỳ thích cái đi vắng này. “Một là,” ông lặp lại. Winn-Dixie chăm chú nhìn ông. “Mẹ con rất vui tính. Mẹ có thể làm bất cứ ai cười.”

“Hai là,” ông tiếp tục. “Mẹ con có mái tóc đỏ và mặt nhiều tàn nhang.”

“Giống con,” tôi nói.

“Ừ giống con,” ngài mục sư gật đầu.

“Ba là, mẹ thích trồng cây. Mẹ thực sự giỏi làm việc đó. Thậm chí mẹ có thể cắm một bánh xe xuống đất và trồng lên thành một cái ô tô.”

Winn-Dixie bắt đầu gặm móng vuốt, và tôi phải gõ vào đầu nó để bắt nó dừng lại.

“Bốn là,” ngài mục sư nói. “Mẹ chạy rất nhanh. Nếu con chạy đua với mẹ, đừng bao giờ nghĩ đến việc nhường mẹ chạy trước, bởi chắc chắn mẹ sẽ thắng.”

“Con cũng thế,” tôi nói. “Hồi còn ở nhà ở Watley, con chạy thi với Liam Fullerton và con thắng. Nó nói rằng như thế là không công bằng bởi ngay từ đầu con trai và con gái đã không nên chạy đua với nhau. Con đã bảo rằng nó chỉ là một kẻ thua cuộc cay cú.”

Ngài mục sư gật đầu. Ông im lặng trong giây lát.

“Con đã sẵn sàng cho điều thứ năm,” tôi nhắc.

“Năm là, mẹ không biết nấu ăn. Mẹ con có thể làm cháy mọi thứ, thậm chí cả nước. Mẹ phải rất vất vả mới mở được một hộp đậu. Mẹ không thể

nấu được ngay cả một miếng thịt. Sáu là,” ngài mục sư gãi mũi và ngược lên nhìn trần nhà khiến Winn-Dixie cũng ngẩng đầu lên theo. “Sáu là mẹ con yêu những câu chuyện. Mẹ có thể ngồi nghe kể chuyện cả ngày. Mẹ rất thích được nghe chuyện, đặc biệt là những câu chuyện hài hước, những chuyện có thể khiến mẹ cười.” Ngài mục sư gật đầu như thể đang tự đồng ý với chính mình vậy.

“Thứ bảy là gì hả cha?” tôi sốt sắng hỏi.

“Xem nào. Mẹ biết tất cả các chòm sao, tất cả các hành tinh trên bầu trời đêm. Mẹ có thể gọi tên từng ngôi sao một. Mẹ ngắm chúng không bao giờ biết chán.”

“Thứ tám là,” ngài mục sư lim dim mắt, “mẹ con ghét phải làm vợ mục sư. Mẹ nói mẹ không thể chịu đựng được việc các bà ở nhà thờ bình phẩm hôm nay mẹ mặc gì, mẹ nấu món gì hay mẹ hát như thế nào. Mẹ nói cái đó làm mẹ có cảm giác như bị theo dõi mọi lúc mọi nơi vậy.”

Winn-Dixie ngả mình nằm lên đi văng. Nó giụi mũi vào lòng ngài mục sư và gác đuôi vào lòng tôi.

“Mười là...”

“Chín chứ,” tôi cắt ngang.

“Chín là,” ngài mục sư nói. “Mẹ uống rượu. Mẹ uống bia, mẹ uống ulyt-ky, và rượu vang. Đôi khi mẹ không thể ngừng uống, điều đó khiến cha và mẹ xung đột khá nhiều. Và điều thứ mười là,” ông thở dài, “điều thứ mười là, mẹ yêu con. Mẹ yêu con rất nhiều.”

“Nhưng mẹ đã bỏ con mà đi,” tôi cự nự.

“Mẹ đã bỏ chúng ta,” ngài mục sư nói nhẹ nhàng. Tôi có thể thấy ông vừa thu cái đầu rùa già nua vào trong cái vỏ rùa ngốc nghếch của mình. “Mẹ gói ghém đồ đạc và rời bỏ chúng ta, không để lại thứ gì phía sau cả.”

“Được rồi cha,” tôi kết luận và rời khỏi đi vắng. Winn-Dixie cũng nhảy xuống. “Cảm ơn cha đã cho con biết.”

Tôi đi thẳng về phòng và ngay lập tức viết ra mười điều ngài mục sư vừa kể với tôi. Tôi viết đúng như những gì ông đã kể để không lúc nào tôi có thể quên được, sau đó đọc thành tiếng cho Winn-Dixie nghe đến khi thuộc lòng. Tôi muốn biết mười điều này thật kỹ. Theo cách đó, tôi hy vọng, khi mẹ quay trở lại, tôi vẫn có thể nhận ra bà. Tôi sẽ có thể túm lấy mẹ, ôm mẹ thật chặt và không để cho mẹ rời khỏi tôi một lần nữa.

Chương 5

Chúng tôi ngay lập tức nhận ra rằng Winn-Dixie không thể chịu đựng được khi bị bỏ lại một mình. Nếu tôi và ngài mục sư đi đâu đó và bỏ lại mình nó trong xe moóc, nó sẽ kéo tất cả gối ôm xuống khỏi đi văng và lôi tất cả giấy vệ sinh ra khỏi cuộn. Vì thế chúng tôi bắt đầu cột nó ở ngoài bằng một sợi dây mỗi khi đi vắng. Nhưng việc đó cũng chẳng giúp ích gì. Nó sẽ tru lên cho đến khi Samuel, con chó của bà Detweller, tru lên theo. Đó chính là âm thanh mà không một người lớn nào muốn nghe cả.

“Nó chỉ không muốn bị bỏ lại một mình,” tôi nói với ngài mục sư. “Chúng ta hãy đưa nó đi theo.” Tôi có thể hiểu được suy nghĩ của Winn-Dixie lúc này. Bị bỏ lại phía sau rất có thể khiến nó cảm thấy trống trải.

Sau một hồi suy nghĩ, ngài mục sư đành chấp nhận. Chúng tôi đưa Winn-Dixie đi cùng đến bất cứ nơi đâu, thậm chí cả nhà thờ.

Nhà thờ Báp-tít Cánh tay Rộng mở ở Naomi trông không giống một nhà thờ bình thường. Nơi đây vốn dĩ là cửa tiệm Hầy-chọn-nhanh, và ngay khi bước qua cửa chính, thứ đầu tiên bạn có thể thấy là khẩu hiệu to đùng của Hầy-chọn-nhanh. Nó được viết trên nền nhà trong những viên đá lát nhỏ màu đỏ tạo thành những dòng chữ nổi bật “CHỌN CHỌN CHỌN NHANH NHANH NHANH.” Ngài mục sư đã cố gắng sơn phủ lên những viên đá này, nhưng những chữ cái đó không chịu biến mất, nên ông đành bỏ cuộc và cứ để nó như thế.

Một điều khác biệt nữa ở nhà thờ Cánh tay Rộng mở, đó là nó không hề có những hàng ghế tựa dài. Những người đến dự lễ tự mang theo mình ghế gấp hay ghế vải; bởi thế đôi khi nơi này trông giống như nơi người ta tụ tập để xem diễu hành hay một bữa tiệc nướng ngoài trời hơn là một nhà thờ.

Đây là một nhà thờ kỳ cục mà tôi nghĩ Winn-Dixie có thể sẽ thích hợp với nó.

Nhưng lần đầu tiên Winn-Dixie được đưa đến đây, ngài mục sư cột nó ở ngoài cửa chính.

“Tại sao chúng ta phải đưa nó đến tận đây chỉ để cột nó lại?” tôi hỏi ngài mục sư.

“Bởi vì chó không thuộc về nhà thờ, Opal ạ,” ngài mục sư trả lời. “Đó là lý do.”

Ông cột Winn-Dixie ở một gốc cây và nói rằng bóng râm của cây sẽ tốt cho con chó.

Nhưng thực sự thì nó chẳng có tác dụng gì cả. Thánh lễ bắt đầu với thánh ca, chia sẻ và cầu nguyện, sau đó ngài mục sư bắt đầu giảng đạo. Ngay khi ông vừa mới bắt đầu được hai hay ba từ, bên ngoài bắt đầu tru lên một tiếng hết sức khó chịu.

Ngài mục sư cố gắng lờ nó đi.

“Hôm nay,” ông nói.

“Aaaaaaaarooooo,” Winn-Dixie chen ngang.

“Xin hãy,” ngài mục sư tiếp tục.

“Arrrrroooowww,” Winn-Dixie trả lời.

“Các bạn,” ngài mục sư lại nói.

“Arrruiiiippp,” Winn-Dixie rên rỉ.

Mọi người bắt đầu quay sang nhìn nhau.

“Opal,” ngài mục sư gọi.

“Owwwwww,” lại là Winn-Dixie.

“Dạ?” tôi trả lời.

“Hãy ra đem con chó vào đây,” ông hét lên.

“Vâng thưa cha!” tôi cũng hét lên trả lời.

Tôi ra ngoài, cởi dây cho Winn-Dixie và đưa nó vào trong. Nó ngồi ngay bên cạnh tôi, toét miệng ra cười với ngài mục sư, và ngài mục sư, không dừng được, cũng mỉm cười lại. Winn-Dixie có khả năng tạo ảnh hưởng như thế lên ngài linh mục.

Và ngài mục sư bắt đầu giảng lại từ đầu. Winn-Dixie ngồi đó lắng nghe, hai tai ve vẩy qua lại, chăm chú bắt lấy từng lời. Mọi thứ đáng lẽ đã tốt đẹp, nếu không có một con chuột bắt chợt chạy ngang qua sàn nhà.

Cánh tay Rộng mở có chuột. Chúng đã ở đó từ khi đây vẫn còn là Hầy-chọn-nhanh với rất nhiều đồ ăn ngon lành. Đến khi cửa hàng đó trở thành nhà thờ, lũ chuột ở lại theo và chén những mẩu bánh vụn còn lại sau những bữa tối mọi người ăn chung. Ngài mục sư luôn miệng nói rằng sẽ làm gì đó để giải quyết tình trạng này, nhưng chưa bao giờ ông làm bởi sự thật là, tôi biết, ông không thể chịu được ý nghĩ sẽ làm tổn thương ai đó, ngay cả một con chuột.

Thế rồi, Winn-Dixie nhìn thấy con chuột, và lập tức đứng dậy đuổi theo. Một phút trước, mọi thứ vẫn còn yên lặng, nghiêm trang và ngài mục sư say sưa với bài giảng; một phút sau, Winn-Dixie trông như một viên đạn đầy lông lá, rượt đuổi theo con chuột khắp tòa nhà. Miệng nó thì sủa còn bốn cái chân thì trượt liên tục trên sàn nhà mài bóng loáng của Hầy-chọn-nhanh. Mọi người thì bắt đầu vỗ tay, la ó, chỉ trỏ. Đám đông trở nên thực sự cuồng nhiệt khi cuối cùng Winn-Dixie cũng tóm được con chuột.

“Cả đời ta chưa bao giờ được nhìn thấy một con chó bắt chuột,” bà Nordley đang ngồi cạnh tôi lên tiếng.

“Nó là một con chó đặc biệt ạ,” tôi trả lời.

“Ta cũng đoán thế.”

Winn-Dixie đứng thẳng lên đầy kiêu hãnh trước toàn thể nhà thờ, vẫy đuôi và giữ con chuột thật cẩn thận trong miệng, giữ chặt nhưng không nghiền nát nó.

“Chắc chắn nó là chó lai,” ai đó phía sau tôi lên tiếng. “Một con chó săn.”

Winn-Dixie mang con chuột đến chỗ ngài mục sư, thả nó xuống ngay dưới chân ông. Khi con chuột cố gắng thoát thân, Winn-Dixie đặt một chân lên đuôi nó, toét miệng cười với ngài mục sư, khoe cả hàm răng của mình. Ngài mục sư nhìn xuống con chuột, rồi nhìn Winn-Dixie, rồi nhìn tôi. Ông khẽ bóp nhẹ cái mũi của mình. Hãy-chọn-nhanh bỗng chốc trở nên im lặng một cách kỳ lạ.

“Chúng ta hãy cầu nguyện,” ngài mục sư cuối cùng cũng lên tiếng, “cho con chuột này.”

Mọi người ồ lên cười và vỗ tay thích thú. Ngài mục sư túm lấy đuôi con chuột, bước tới và quăng con chuột ra ngoài cửa chính. Mọi người lại vỗ tay tán thưởng một lần nữa.

Ông quay trở vào và chúng tôi tất cả cùng cầu nguyện. Tôi cầu nguyện cho mẹ tôi. Tôi nói với Chúa rằng bà chắc chắn sẽ thích thú như thế nào khi nghe kể chuyện Winn-Dixie đuổi bắt chuột. Có thể nó sẽ khiến bà cười. Tôi hỏi Ngài liệu tôi có thể kể bà nghe câu chuyện này một ngày nào đó hay không.

Và tôi kể với Chúa tôi đã cô đơn như thế nào ở Naomi bởi tôi không có nhiều bạn ở đây, trừ những đứa trẻ ở nhà thờ, mà ở Cánh tay Rộng mở này

cũng không có nhiều trẻ con, trừ Dunlap và Stevie Dewberry, hai anh em mặc dù không phải sinh đôi nhưng nhìn giống hệt nhau; Amanda Wilkinson với khuôn mặt lúc nào cũng cau có như thể người thấy mùi gì khó chịu lắm; và Sweetie Pie Thomas là một đứa bé mới có năm tuổi. Không ai trong số bọn họ muốn làm bạn với tôi cả bởi rất có thể chúng sợ tôi sẽ nói với ngài mục sư mọi chuyện sai trái vụn vặt chúng làm, khiến chúng gặp rắc rối với Chúa trời và cha mẹ. Vì thế tôi nói với Chúa rằng tôi cô đơn lắm, ngay cả khi đã có Winn-Dixie bên cạnh.

Và cuối cùng, tôi cầu nguyện cho con chuột như ngài mục sư đã nói. Tôi cầu cho con chuột đó không bị đau khi bay ra khỏi cửa chính, mà rơi vào một bãi cỏ mềm mịn.

Chương 6

Mùa hè năm đó, tôi dành rất nhiều thời gian trong Thư viện Tưởng niệm Herman W.Block. Cái tên của nó nghe có vẻ như đó là một nơi vô cùng hấp dẫn, nhưng thực ra không phải vậy. Nó chỉ là một ngôi nhà nhỏ cũ kỹ chứa đầy sách do bà Franny Block quản lý - một bà cô hết sức nhỏ bé, già nua với mái tóc hoa râm ngắn, và cũng là người bạn đầu tiên của tôi ở Naomi.

Mọi chuyện bắt đầu khi Winn-Dixie không thích tôi đến thư viện, bởi vì nó không được phép vào trong. Nhưng tôi chỉ cho Winn-Dixie rằng nó có thể đứng bằng hai chân sau và nhìn tôi lựa sách qua cửa sổ. Mọi chuyện đều ổn với nó, miễn là nó có thể nhìn thấy tôi. Nhưng vấn đề là, lần đầu tiên thấy Winn-Dixie đứng bằng hai chân sau nhìn qua cửa sổ, bà Franny Block không nghĩ nó là con chó, mà là con gấu.

Và chuyện đã xảy ra như sau: Tôi đang say sưa chọn sách, tự lẩm bẩm với mình cho tới khi nghe thấy một tiếng hét sợ hãi vang lên. Tôi chạy thẳng đến phía trước thư viện và bắt gặp bà Franny Block, đang ngồi trên sàn nhà phía sau bàn làm việc.

“Bà Franny?” tôi hỏi. “Bà không sao chứ?”

“Một con gấu,” bà lắp bắp.

“Một con gấu?” tôi lặp lại.

“Nó đã quay trở lại,” bà nói.

“Đã?” Tôi lúng túng. “Thế nó đang ở đâu?”

“Ngoài kia,” bà nói và đưa một ngón tay chỉ về phía Winn-Dixie vẫn đang đứng bằng hai chân sau, nhìn qua cửa sổ tìm kiếm tôi.

“Bà Franny Block, nó không phải là gấu, nó là một con chó, con chó của cháu, Winn-Dixie.”

“Cháu chắc chắn chứ?”

“Vâng ạ,” tôi trả lời bà. “Cháu chắc chắn. Nó là con chó của cháu. Cháu có thể nhận ra nó ở bất cứ đâu.”

Bà Franny vẫn ngồi đó run rẩy.

“Đi nào, để cháu đỡ bà dậy. Không có chuyện gì đâu ạ.” Tôi đưa tay ra để bà Franny cầm lấy, và kéo bà đứng dậy. Thực sự bà nhẹ đến nỗi tôi không có cảm giác gì về cân nặng của bà. Khi đã đứng vững trên đôi chân của mình, bà bắt đầu tỏ vẻ xấu hổ, cho rằng hẳn tôi phải nghĩ bà là một bà già ngốc nghếch, nhìn nhầm con chó thành con gấu, nhưng bà không thể quên được kỷ niệm tồi tệ khi một con gấu tiến vào Thư viện Tưởng niệm Herman W. Block từ rất lâu trước đó.

“Chuyện đó xảy ra khi nào ạ?” tôi tò mò.

“Hừm, chuyện dài lắm.”

“Không sao đâu,” tôi khẳng định với bà. “Cháu giống mẹ ở chỗ rất thích nghe kể chuyện. Nhưng trước khi bà bắt đầu, liệu cháu có thể đưa Winn-Dixie vào đây để nó cùng nghe không ạ? Nó sẽ rất cô đơn nếu không có cháu.”

“Hừm ta không biết,” bà lưỡng lự. “Chó không được phép vào trong thư viện này.”

“Nó sẽ ngoan ngoãn thôi ạ. Nó là con chó đã từng đi lễ nhà thờ.” Và trước khi bà kịp trả lời, tôi chạy ra ngoài đưa Winn-Dixie vào trong. Nó bước vào, nằm xuống, phát ra âm thanh “*hummmppff*” với một tiếng thở dài, ngay cạnh chân của bà Franny.

Bà nhìn xuống nó và nhận xét, “Nó hẳn là một con chó lớn.”

“Vâng, với cả một trái tim lớn nữa,” tôi nói với bà.

“Ồ,” bà Franny cúi xuống vỗ nhẹ lên đầu Winn-Dixie. Đáp lại, con chó vẫy vẫy đuôi và cọ mũi vào bàn chân người phụ nữ già nua bé nhỏ. “Chờ một chút để ta lấy ghế, ngồi xuống và kể câu chuyện một cách tử tế.”

Chương 7

“Quay trở lại cái thời mà Florida vẫn còn hoang dã, khi mà nơi đây chỉ có những cây cọ lùn và những con muỗi to khủng khiếp,” bà Franny Block bắt đầu kể, “và ta vẫn còn là một cô bé tầm tuổi cháu, cha ta, Herman W. Block, nói rằng ta có thể có bất cứ cái gì ta muốn vào ngày sinh nhật. Bất cứ thứ gì.”

Bà Franny nhìn quanh thư viện. Bà cúi người xuống gần tôi. “Ta không muốn tỏ vẻ kiêu ngạo, nhưng thực sự cha ta là một người giàu có, rất giàu có.” Bà gật đầu, ngả người ra sau và tiếp tục. “Và ta là một cô gái nhỏ rất thích đọc sách. Vì thế ta nói với cha ‘Cha, con rất muốn có một thư viện cho ngày sinh nhật, và một thư viện nhỏ thì thật tuyệt.’ ” “Con yêu cầu cả một thư viện sao?”

“Chỉ một cái nhỏ thôi ạ,” bà Franny gật gù. “Ta muốn có một ngôi nhà nhỏ không có gì ngoại trừ ngập tràn sách để ta có thể chia sẻ nó với người khác nữa. Điều ước của ta được thực hiện. Cha ta đã xây cho ta ngôi nhà này, chính là nơi chúng ta đang ngồi ngày hôm nay đây. Và ta, khi đó còn rất nhỏ, đã trở thành người coi giữ thư viện. Đúng là thế đó.”

“Thế còn con gấu thì sao ạ?”

“Ta đã nói rằng hồi đó Florida còn là một mảnh đất hoang dã chưa nhỉ?”
bà Franny Block nói.

“Ừm, rồi ạ.”

“Một nơi hoang dã với những thổ dân hoang dã, và những con vật hoang dã.”

“Giống như gấu?”

“Đúng rồi, cô bé. Giờ ta phải kể với cháu là, ta đã từng là một cô-bé-biết-tuốt. Một cô bé thông minh với thư viện đầy sách. Ta đã nghĩ là ta biết câu trả lời cho mọi câu hỏi. Rồi một ngày thứ Năm nóng bức, ta đang ngồi trong thư viện với cửa chính cùng cửa sổ mở toang và chúi mũi đọc sách, thì một bóng người đi ngang qua bàn. Không thèm ngẩng đầu nhìn lên, đúng thế, không ngẩng đầu nhìn lên, ta hỏi: ‘Quý khách có cần tôi tìm giúp quyển sách nào không?’ ”

“Không có tiếng trả lời. Ta cho rằng đó là một thổ dân, sợ hãi khi thấy đồng sách này đến mức không dám lên tiếng. Nhưng rồi ta bắt đầu ý thức được một mùi rất đặc trưng, một mùi rất nồng nặc. Ta từ từ ngược mắt nhìn lên, và đứng ngay trước mặt ta là một con gấu. Đúng thế cô bé, một con gấu rất to.”

“To bằng nào ạ?” tôi hỏi.

“Ồ,” bà Franny nhớ lại, “có lẽ to gấp 3 lần con chó của cháu.”

“Sau đó chuyện gì đã xảy ra?”

“Hừm, ta nhìn nó và nó nhìn ta. Nó hếch mũi lên không khí và bắt đầu ngửi ngửi như thể đang cân nhắc liệu cô thủ thư nhỏ bé biết tuốt này có hợp với khẩu vị của nó không vậy. Và ta ngồi đó, một ý nghĩ chợt đến: ‘Hừm, nếu con gấu này có ý định ăn thịt ta, ta sẽ không để chuyện đó xảy ra mà không chiến đấu một trận ra trò. Đùng hòng!’ Thế rồi rất từ từ và thận trọng, ta nhắc quyển sách ta đang đọc lên.”

“Đó là quyển sách gì ạ?” tôi lại tò mò.

“Chà, nó là cuốn Chiến tranh và Hòa bình, một quyển sách rất to. Ta từ từ nhắc nó lên, ngắm nghía một cách kỹ lưỡng rồi ném thẳng vào con gấu và la lên, ‘Cút đi!’ Cháu biết sao không?”

“Không thưa bà!”

“Nó bỏ đi. Nhưng điều ta không bao giờ có thể quên được là, nó cầm quyển sách đi theo.”

“Ồ,” tôi thốt lên.

“Đúng thế. Nó vồ lấy quyển sách và bỏ chạy.”

“Nó có quay trở lại không?”

“Không, ta chưa bao giờ gặp lại nó kể từ hôm đó. Nhưng mọi người trong làng bắt đầu trêu chọc ta về chuyện này. Họ thường nói: ‘Thưa cô Franny, hôm nay chúng tôi bắt gặp con gấu của cô trong rừng. Nó đang đọc sách và nói rằng quyển sách đó rất hay và hỏi liệu nó có thể giữ quyển sách lại thêm một tuần nữa được không.’ Họ trêu chọc ta về chuyện đó.” Bà thở dài. “Ta nghĩ rằng ta là người duy nhất còn sống từ thời ấy. Ta nghĩ rằng ta là người duy nhất còn nhắc lại chuyện con gấu. Tất cả bạn bè của ta, những người ta biết từ khi còn nhỏ, đều đã chết và rời bỏ ta.”

Bà thở dài một lần nữa. Bà trông buồn bã, già nua và nhăn nheo. Đôi khi tôi cũng có cảm giác đó, tôi không có bạn bè trong cái thị trấn mới chuyển đến này mà tôi cũng chẳng có mẹ để an ủi tôi. Tôi thở dài.

Winn-Dixie ngẩng đầu lên và bắt đầu nhìn tới nhìn lui giữa tôi và bà Franny. Nó ngồi dậy và khoe cả hàm răng với bà.

“Ồ nhìn này,” bà nói. “Con chó đang cười với ta.”

“Đấy là khả năng đặc biệt của nó,” tôi tự hào.

“Một khả năng đáng yêu,” bà Franny thích thú. “Rất đáng yêu.” Và bà mỉm cười lại với nó.

“Chúng ta có thể là bạn,” tôi nói với bà Franny. “Ý cháu là bà, cháu và Winn-Dixie, chúng ta có thể là bạn.”

Bà Franny cười còn tươi hơn nữa. “Sao chứ, điều đó thật tuyệt. Đơn giản là, thật tuyệt.”

Và ngay tại giây phút đó, ngay khi chúng tôi quyết định trở thành bạn bè, chẳng còn ai khác dám vào thư viện Tưởng niệm Herman W. Block phá đám ngoại trừ Amanda Wilkinson mặt nhăn nhó. Nó bước thẳng đến bàn của bà Franny và nói, “Cháu đã đọc xong Johny Tremain và cháu rất thích. Cháu muốn tìm một thứ gì đó khó hơn để đọc, bởi cháu là một người đọc sách giỏi.”

“Ồ ta biết,” bà nói và đứng dậy khỏi ghế.

Amanda vờ như không có tôi ở đó, ánh mắt nó liếc ngang qua tôi. “Chó được phép vào thư viện ạ?” nó hỏi bà Franny khi hai người bước đi.

“Một số con nhất định thôi,” bà trả lời, “chỉ một số rất ít được chọn.” Bà quay lại và nháy mắt với tôi. Tôi mỉm cười lại. Tôi vừa có người bạn đầu tiên ở Naomi, và không ai có thể gây rắc rối cho tôi về chuyện đó, ngay cả Amanda Wilkinson.

Chương 8

Những chỗ lông trụi của Winn-Dixie đã bắt đầu mọc trở lại, phần còn lại cũng đã trở nên bóng mượt và khỏe khoắn hơn. Nó cũng không còn đi khập khiễng nữa. Có thể nói rằng nó có quyền tự hào vì vẻ đẹp mã của mình, tự hào vì không còn trông giống một con chó vô chủ nữa. Tôi nghĩ rằng thứ tôi cần nhất bây giờ là một cái vòng cổ và một sợi dây xích, vì thế tôi đến cửa tiệm thú cưng của Gertrude - nơi có rất nhiều cá, rắn, chuột, thằn lằn cùng đồ dùng cho thú cưng - và tìm thấy một vòng cổ màu đỏ xinh xắn với một sợi dây xích đồng bộ.

Winn-Dixie không được phép vào trong cửa tiệm (có một cái biển lớn bên ngoài đề là: Cấm chó!), nên tôi phải đưa cái vòng cổ và xích chó ra ngoài cửa sổ. Winn-Dixie đang đứng phía bên kia cửa sổ liền kéo môi ra cười toe toét, hắt hơi và vẫy đuôi rối rít; tôi biết là cu cậu cũng thích sợi dây xích và vòng cổ đấy lắm. Nhưng bộ này thì rất đắt.

Tôi quyết định giải thích tình trạng của mình cho người đàn ông đứng sau quầy thu tiền. Tôi nói, “Cháu không có đủ tiền để trả cho những thứ tuyệt vời như thế này. Nhưng cháu rất thích cái vòng cổ và sợi dây xích, cả con chó của cháu cũng thế, nên cháu hy vọng ông có thể cho cháu trả góp.”

“Trả góp?” người đàn ông hỏi lại.

“Gertrude!” ai đó bắt chọt hét lên với giọng hết sức giận dữ.

Tôi nhìn xung quanh. Đó là một con vẹt. Nó đang đậu trên chốc một chậu cá cảnh, nhìn tôi chằm chằm.

“Trả góp,” tôi tiếp tục, tặng lờ con vẹt, “bác biết đấy, cháu hứa sẽ trả tiền tiêu vặt của cháu hàng tuần thế nên bác để cho cháu cái vòng cổ và sợi dây xích bây giờ nhé.”

“E không được đâu.” người đàn ông lắc đầu. “Bà chủ sẽ không thích như vậy.” Ông cúi xuống quây thu tiền mà không ngó tới tôi nữa. Ông ta có mái tóc đen dày, và bóng mượt như Elvis Presley. Ông đeo một cái thẻ tên ghi OTIS.

“Hay để cháu làm việc cho bác,” tôi kiên nhẫn. “Cháu có thể đến lau dọn sàn nhà, phủ bụi trên các giá và đổ rác.”

Tôi nhìn quanh tiệm thú cưng của Gertrude. Cát, vỏ hạt hướng dương và những đám bụi lớn rải rác khắp sàn nhà. Tôi có thể nói rằng nó cần phải được dọn dẹp.

“A,” Otis vẫn tiếp tục nhìn xuống quây thu tiền.

“Gertrude!” con vẹt hét lên lần nữa.

“Bác có thể tin tưởng cháu,” tôi nói. “Cháu mới chuyển đến thị trấn này nhưng cha cháu là mục sư. Ông ý phụ trách Nhà thờ Báp-tít Cánh tay Rộng mở, thế nên cháu rất trung thực. Chỉ có một vấn đề là, Winn-Dixie, con chó của cháu sẽ phải vào trong cùng với cháu bởi nếu chúng cháu không ở cùng nhau quá lâu, nó sẽ tru lên rất đáng sợ.”

“Gertrude không thích chó,” Otis nói.

“Bà ý là chủ cửa hàng ạ?”

“Ừ, ý ta là, à không, ý ta là...” Cuối cùng ông cũng chịu nhìn lên và chỉ vào bể cá. “Gertrude này cơ, con vẹt ấy. Ta đặt tên nó theo tên bà chủ cửa hàng.”

“Gertrude là một con chim xinh đẹp!” Gertrude gào lên.

“Nó có thể sẽ thích Winn-Dixie,” tôi nói với Otis. “Hầu hết mọi người đều thích nó. Có lẽ nên để nó vào đây gặp con vẹt, và nếu chúng thích nhau, cháu có thể làm việc ở đây?”

“Có thể,” Otis lầm bầm. Ông lại cúi xuống nhìn quầy thu tiền.

Thế là tôi đi ra mở cửa, và Winn-Dixie phi ngay vào trong tiệm.

“Chó!” Gertrude hét lên.

“Ta biết,” Otis trả lời.

Rồi Gertrude trở nên im lặng. Nó vẫn đậu trên chốc bẻ cá, nghiêng đầu qua bên này bên kia dò xét Winn-Dixie. Con chó cũng đứng đó nhìn chòng chọc vào Gertrude. Nó không động đậy, không vẫy đuôi, không cười, không hắt hơi. Nó chỉ nhìn con vẹt và con vẹt nhìn lại nó. Bất chợt Gertrude dang rộng cánh, bay tới và đậu trên đầu Winn-Dixie.

“Chó,” nó rúc rích.

Winn-Dixie chỉ khẽ vẫy vẫy đuôi.

“Cháu có thể bắt đầu vào thứ Hai,” Otis lên tiếng.

“Cháu cảm ơn,” tôi nói. “Bác sẽ không hối tiếc đâu ạ.”

Trên đường ra khỏi tiệm thú cưng Gertrude, tôi nói với Winn-Dixie: “Mày có khả năng kết bạn tốt hơn bất cứ người nào tao từng biết đấy. Tao cá là nếu mẹ tao biết mày, bà sẽ nghĩ rằng mày là con chó tuyệt vời nhất thế giới.”

Winn-Dixie ngược lên cười với tôi và tôi cúi xuống cười với nó, nên chẳng ai trong chúng tôi nhìn đường đi cả, khiến suýt nữa chúng tôi đâm sầm vào Sweetie Pie Thomas. Cô bé đang đứng mút đầu ngón tay giữa, nhìn chăm chú qua cửa sổ cửa tiệm thú cưng Gertrude.

Nó bỏ ngón tay ra khỏi miệng và nhìn tôi. Nó có đôi mắt to tròn. “Có phải con chim đã đậu trên đầu con chó này không?” nó hỏi. Tóc nó được buộc gọn gàng thành một cái đuôi ngựa bằng một dải ruy băng màu hồng.

Nhưng đó không hẳn là một cái đuôi ngựa, chỉ là dây ruy băng với lụa thừa vài sợi tóc.

“Ừ,” tôi trả lời.

“Em đã nhìn thấy nó,” cô bé nói. Cô bé gật đầu và đút ngón tay vào lại trong miệng, rồi lập tức rút ra thật nhanh. “Em cũng nhìn thấy con chó trong Nhà thờ khi nó bắt chuột. Em cũng muốn một con chó như thế, nhưng mẹ sẽ không cho em nuôi đâu. Mẹ nói nếu em thực sự ngoan, mẹ sẽ mua cho em một con cá vàng hay một con chuột nhảy. Đây là mẹ nói như thế. Em nựng con chó của chị được không?”

“Chắc chắn rồi,” tôi trả lời.

Sweetie Pie Thomas vuốt ve Winn-Dixie lâu và chăm chú đến nỗi mắt Winn-Dixie đã bắt đầu lim dim và nước dãi chảy ra một bên miệng. “Em sẽ tròn sáu tuổi vào tháng Chín này, và em sẽ không mút ngón tay nữa khi em đủ sáu tuổi,” Sweetie Pie nói. “Em sẽ tổ chức tiệc mừng sinh nhật. Chị có muốn đến không? Chủ đề là màu hồng.”

“Có chứ,” tôi nói với cô bé.

“Con chó này đến cùng được chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

Tự nhiên tôi cảm thấy rất vui. Tôi đã có một con chó, một công việc, có bà Franny Block làm bạn và bây giờ tôi lại được mời đến bữa tiệc đầu tiên ở Naomi. Tôi không bận tâm lắm về chuyện lời mời ấy đến từ một đứa bé năm tuổi và bữa tiệc đó phải tận tháng Chín mới tổ chức. Tôi không còn cảm thấy cô đơn chút nào nữa.

Chương 9

Hầu như tất cả mọi chuyện xảy đến với tôi mùa hè năm đó đều là bởi Winn-Dixie. Giả dụ như, nếu không có nó, có lẽ tôi sẽ không bao giờ gặp bà Gloria Dump.

Chuyện xảy ra như sau: Tôi đang đạp xe về nhà từ cửa tiệm thú cưng của Gertrude còn Winn-Dixie thì chạy theo sát bên cạnh tôi. Chúng tôi đi ngang qua nhà của Dunlap và Stevie Dewberry, và khi thấy tôi, chúng liền nhảy lên xe đạp đuổi theo tôi. Chúng không đạp cùng tôi; mà chỉ theo đuôi tôi và thì thầm những gì tôi không nghe được. Đầu cả hai đứa đều trọc lóc bởi mẹ chúng cắt tóc cho chúng hàng tuần suốt cả mùa hè do một lần bọ chét từ con mèo tên là Sadie của chúng nhảy sang đầu Dunlap. Bây giờ nhìn hai đứa đầu trọc giống y chang nhau, mặc dù chúng không phải sinh đôi. Dunlap cũng lên mười như tôi, còn Stevie mới chín tuổi nhưng nhìn cao hơn so với tuổi của nó.

“Tao nghe thấy đấy,” tôi hét trả. “Tao nghe được chúng mày nói gì đấy.” Nhưng thực ra là tôi không nghe thấy gì cả.

Winn-Dixie bắt đầu chạy trước tôi khá xa.

“Mày nên cẩn thận,” Dunlap cũng hét lên. “Con chó đang tiến đến nhà của mụ phù thủy.”

“Winn-Dixie,” tôi gọi. Nhưng nó cứ chạy nhanh hơn và nhảy qua cửa tiến vào khu vườn rậm rạp nhất mà tôi từng thấy.

“Mày nên đưa con chó ra khỏi đó,” Dunlap nói.

“Mụ phù thủy có lẽ đang ăn thịt con chó đó rồi,” Stevie nói.

“Im đi,” tôi quát.

Tôi xuống xe, tiến đến cái cổng và gọi, “Winn-Dixie, mày nên ra khỏi chỗ đó.”

Nhưng nó không trở ra.

“Rất có thể mẹ ta đang ăn thịt nó rồi,” Stevie tiếp tục. Nó và Dunlap đang đứng ngay sau tôi. “Mẹ ta ăn thịt chó nhiều lắm.”

“Cút đi, đồ con nít trọc đầu,” tôi tức giận.

“Này,” Dunlap nói, “con gái một mục sư nên ăn nói tử tế hơn thế chứ.” Nó và Stevie có vẻ thận trọng hơn một chút.

Tôi đứng đó và suy nghĩ khoảng một phút. Cuối cùng tôi cũng quyết định rằng nỗi sợ bị mất Winn-Dixie còn lớn hơn cả nỗi sợ phải thương lượng với một mẹ phù thủy, thế nên tôi đi qua cửa vào trong khu vườn.

“Mẹ phù thủy đó chuẩn bị ăn con chó cho bữa tối còn mày là món tráng miệng,” Stevie hù dọa.

“Bọn tao sẽ kể với mục sư chuyện gì đã xảy ra với mày,” Dunlap nói với theo tôi.

Trong khi đó, tôi đã ở sâu trong khu rừng. Có đủ loại hoa lá, rau cỏ, cây cối và dây leo mọc khắp nơi.

“Winn-Dixie?” tôi gọi.

“He he he he.” Tôi nghe tiếng ai đó. “Con chó này chắc hẳn là rất háu ăn.”

Tôi đi vòng quanh một thân cây to bám đầy rêu và nhìn thấy Winn-Dixie. Nó đang ăn cái gì đó ngay trên tay mẹ phù thủy. Bà ta ngẩng lên nhìn tôi. “Con chó này rất thích bơ đậu phộng,” bà ta nói, “lúc nào cháu cũng có thể tin tưởng một con chó thích bơ đậu phộng đấy.”

Đó là một bà lão già nua với nước da nâu nhẵn nheo. Bà ta đội một cái mũ mềm lớn với rất nhiều hoa xung quanh. Mặc dù không còn cái răng nào cả, trông bà ta vẫn không giống một mụn phù thủy. Bà ý có vẻ nhân hậu, và Winn-Dixie thích bà, tôi có thể nói chắc như thế.

“Cháu xin lỗi đã để nó vào trong vườn của bà,” tôi nói.

“Cháu không cần phải xin lỗi,” bà trả lời. “Ta thích được viếng thăm thế này.”

“Tên cháu là Opal,” tôi tự giới thiệu.

“Tên ta là Gloria Dump,” bà đáp lại. “Cháu có thấy cái tên cuối của ta xấu khủng khiếp không? Dump - đống rác?”

“Tên cuối của cháu là Buloni, tên một món ăn. Thỉnh thoảng đám bạn học của cháu ở Watley vẫn gọi cháu là ‘thịt bữa trưa’ đấy ạ.”

“Ha ha!” Bà Gloria Dump cười lớn. “Thế còn con chó, cháu gọi nó là gì?”

“Winn-Dixie ạ.”

Winn-Dixie đập mạnh đuôi xuống đất. Nó cố gắng mỉm cười nhưng có vẻ khó khăn với một cái miệng đầy bơ.

“Winn-Dixie? Ý cháu là giống như tên cửa hiệu tạp hóa?”

“Vâng thưa bà.”

“Ồ,” bà kêu lên thích thú. “Nó hẳn phải được trao giải cho cái tên độc đáo nhất.”

“Vâng thưa bà.”

“Ta vừa định làm cho mình một cái bánh xăng-ých bơ đậu phộng. Cháu có muốn ăn không?”

“Có ạ, bà làm ơn làm cho cháu một cái.”

“Lại đây và ngồi xuống nào,” bà chỉ tay về một cái ghế vải với cái lưng ghế gần như đã rách nát. “Nhưng ngồi cẩn thận nhé.”

Tôi cẩn thận ngồi xuống và bà Gloria Dump làm cho tôi một cái bánh xăng-uych bơ đậu phộng với bánh mì trắng.

Sau đó bà làm một cái cho mình và lắp răng giả vào để ăn; khi đã xong xuôi, bà bắt đầu nói, “Cháu biết đấy, mắt ta không được tinh lắm. Ta không nhìn được gì ngoài hình dáng chung chung của mọi vật, thế nên ta buộc phải tin tưởng vào con tim của mình. Sao cháu không kể cho ta nghe tất cả về cháu để ta có thể nhìn thấy cháu bằng trái tim ta.”

Bởi vì Winn-Dixie đang nhìn bà như thể bà là thứ tuyệt vời nhất trên thế gian nó từng thấy, và bởi vì bánh xăng-uych bơ đậu phộng quá ngon, và cả bởi vì tôi đã đợi quá lâu để có thể kể cho ai đó câu chuyện của mình, tôi đã làm như bà yêu cầu.

Chương 10

Tôi kể cho bà Gloria Dump tất cả mọi thứ. Tôi kể cho bà nghe tôi và ngài mục sư đã chuyển tới Naomi thế nào và tôi đã phải bỏ lại tất cả bạn bè mình ra sao. Tôi kể cho bà nghe về sự ra đi của mẹ, và liệt kê ra mười thứ tôi biết về bà, tôi cũng giải thích rằng ở đây, ở Naomi, tôi nhớ mẹ nhiều hơn khi còn ở Watley rất nhiều. Tôi kể cho bà nghe rằng ngài mục sư giống như một con rùa, luôn luôn ẩn nấp trong cái mai của mình. Tôi kể cho bà nghe về việc tìm thấy Winn-Dixie ở gian hàng nông sản và bởi vì nó, tôi đã trở thành bạn của bà Franny Block, có một công việc làm thêm với người đàn ông tên là Otis ở cửa tiệm thú cưng của Gertrude và được mời đến dự tiệc sinh nhật của Sweetie Pie Thomas. Tôi kể với bà về việc Dunlap và Stevie Dewberry gọi bà là phù thủy. Nhưng tôi nói với bà rằng chúng là lũ ngốc, nhỏ nhen, đầu trọc lóc và tôi không tin chúng, dù thế nào đi chăng nữa.

Trong suốt thời gian tôi nói, bà Gloria Dump chỉ chăm chú lắng nghe. Bà gật đầu, mỉm cười, cau mày và nói “Hừm,” hoặc “Thật vậy à?”

Tôi có thể cảm nhận được rằng bà lắng nghe với cả trái tim, và điều đó thật tuyệt.

“Cháu biết gì không?” bà hỏi khi tôi đã kết thúc câu chuyện của mình.

“Dạ?”

“Rất có thể cháu giống mẹ cháu nhiều hơn là chỉ mái tóc đỏ với tàn nhang hay khả năng chạy nhanh đấy.”

“Thật thế à?” tôi thích thú. “Giống như điều gì?”

“Ví dụ như rất có thể cháu cũng trồng cây mát tay như mẹ cháu. Hai chúng ta có thể trồng thứ gì đó để xem nó mọc lên như thế nào; thử khả

năng của cháu thôi.”

“Được ạ,” tôi hào hứng.

Thứ bà Gloria Dump chọn cho tôi trông là một cái cây, như bà nói thế. Với tôi nó trông giống một thân leo hơn. Bà bảo tôi đào cho nó một cái lỗ, đặt nó vào trong và phủ đất xung quanh thật chặt, như thể nó là một đứa bé và tôi đang đặt nó lên giường vậy.

“Nó là cây gì đây ạ?” tôi hỏi bà.

“Nó là một cái cây hãy-chờ-xem.”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là cháu phải chờ cho nó lớn thì mới biết nó là cây gì.”

“Cháu có thể quay trở lại ghé thăm nó vào ngày mai được không ạ?”

“Cháu bé,” bà nói “chừng nào nó còn ở trong vườn của ta, cháu có thể đến thăm bất cứ lúc nào. Nhưng cái cây sẽ không thay đổi nhiều vào ngày mai đâu.”

“Nhưng cháu cũng muốn gặp bà nữa.”

“Hừm,” bà trả lời. “Ta sẽ không đi đâu cả. Ta luôn ở ngay đây.”

Sau đó tôi đánh thức Winn-Dixie dậy. Bơ đậu phộng vẫn còn dính trên râu nó, còn nó thì liên tục ngáp và vươn mình. Nó liếm tay bà Gloria Dump, còn tôi cảm ơn bà trước khi chúng tôi rời khỏi đó.

Tối hôm ấy, khi ngài mục sư bế tôi lên giường, tôi kể cho ông nghe tôi đã xin được việc ở cửa tiệm thú cưng của Gertrude như thế nào, tôi kể với ông về việc kết bạn với bà Franny Block, được mời đến bữa tiệc của Sweetie Pie và cả việc gặp gỡ bà Gloria Dump nữa. Winn-Dixie giả vờ nằm trên sàn nhà, chờ ngài mục sư đi khỏi để có thể nhảy lên giường ngủ cùng tôi như mọi

khi nó vẫn làm. Khi tôi kể xong, ngài mục sư hôn tôi chúc ngủ ngon, sau đó ông cúi người xuống và hôn cả Winn-Dixie nữa, ngay trên trán nó.

“Mày có thể lên đây ngay bây giờ,” ông nói với Winn-Dixie.

Winn-Dixie nhìn ngài mục sư. Nó không mỉm cười với ông, nhưng mở miệng thật rộng giống như đang cười lớn, như thể ngài mục sư vừa mới kể một câu chuyện hài hước nhất trên thế giới vậy; và đây là điều khiến tôi ngạc nhiên nhất: Ngài mục sư cũng cười đáp lại. Winn-Dixie nhảy ngay lên giường và ngài mục sư đứng dậy tắt đèn. Tôi nghiêng người hôn Winn-Dixie một cái, ngay trên mũi nó, nhưng nó không hề biết. Nó đã chìm vào giấc ngủ, và bắt đầu ngáy rồi.

Chương 11

Đêm hôm đó trời mưa bão sớm chớp đùng đoàng. Nhưng thứ đánh thức tôi dậy không phải là sấm hay chớp, mà là Winn-Dixie. Nó luôn miệng rên rĩ và đập đầu vào cánh cửa phòng ngủ.

“Winn-Dixie,” tôi gọi. “Mày đang làm gì vậy?”

Nó không để ý đến tôi, mà cứ tiếp tục đập đầu vào cửa, kêu la, rên rĩ. Tôi bước xuống khỏi giường, tiến đến gần và đặt tay lên đầu nó, nó run rẩy đến mức khiến tôi sợ hãi. Tôi quỳ xuống vòng tay ôm lấy nó, nhưng Winn-Dixie không quay lại nhìn tôi hay mỉm cười hay hắt hơi hay vẫy đuôi hay bất cứ thứ gì bình thường nó vẫn hay làm; nó chỉ đập đầu vào cửa, rên rĩ và run rẩy.

“Mày muốn mở cửa à?” tôi hỏi. “Sao? Có phải mày muốn thế không?” Tôi đứng dậy mở cửa và Winn-Dixie lao ngay ra ngoài như thể có gì đó rất to lớn, xấu xa và độc ác đang đuổi theo nó vậy.

“Winn-Dixie,” tôi huýt gió, “quay trở lại đây.” Tôi không muốn nó đánh thức ngài mục sư dậy.

Quá muộn rồi! Winn-Dixie đã ở đầu bên kia xe moóc, ngay trong phòng ngài mục sư. Tôi có thể nói cái âm thanh soàn soạt phát ra chắc chắn là do Winn-Dixie đã nhảy lên giường, và rồi tiếng kêu của ngài mục sư cho thấy ông đang hết sức kinh ngạc. Nhưng nó diễn ra không lâu, bởi Winn-Dixie đã lại lao ra khỏi phòng ông, thở hổn hển và phi như điên. Tôi cố gắng tóm lấy nó, nhưng nó chạy quá nhanh.

“Opal?” ngài mục sư kêu lên. Ông đứng ở cửa phòng ngủ với mái tóc rối tung rối mù. Ông nhìn quanh như thể ông không chắc mình đang ở đâu vậy. “Opal, chuyện gì xảy ra vậy?”

“Con không biết,” tôi trả lời. Nhưng rồi ngay lúc đó nổ ra một tiếng sấm kinh hoàng, to đến mức làm lay chuyển toàn bộ cái xe moóc, và Winn-Dixie lại lao ra khỏi phòng tôi, chạy vụt qua tôi. Tôi hét lên, “Cha, cẩn thận!”

Nhưng ngài mục sư vẫn còn đang bối rối. Ông đứng ngậy ra đấy trong khi con chó lăn xả tới như thể nó là một quả bóng bowling và ngài mục sư là con kỳ duy nhất còn sót lại. Ấm! Cả hai ngã nhào xuống đất.

“Ôi,” tôi kêu lên.

“Opal?” ngài mục sư gọi. Ông nằm úp bụng xuống sàn nhà và Winn-Dixie đang ngồi trên ông, vừa rên rĩ vừa thở hổn hển.

“Dạ,” tôi trả lời.

“Opal,” ông gọi tôi một lần nữa.

“Dạ,” tôi trả lời to hơn.

“Con biết nỗi sợ hãi bệnh lý là gì không?”

“Không ạ.”

Ngài mục sư giơ tay lên bóp nhẹ cái mũi. “Chà,” ông ngưng lại một phút, “nó là nỗi sợ hãi còn lớn hơn những sợ hãi thông thường, một nỗi sợ mà con không thể gọi tên hay lý giải được.”

Ngay lúc đó lại có một tiếng sấm vang lên và Winn-Dixie dựng thẳng người trong không khí như thể ai đó vừa gí lửa vào người nó vậy. Khi chạm sàn nhà, nó bắt đầu chạy. Nó chạy trở lại phòng ngủ của tôi, và tôi thậm chí còn không cố gắng giữ lấy nó; chỉ lạng lẽ tránh đường cho nó.

Ngài mục sư nằm xuống sàn nhà, bóp nhẹ cái mũi. Cuối cùng, ông cũng ngồi dậy. Ông nói, “Opal, ta tin rằng Winn-Dixie mắc chứng sợ hãi bệnh lý đối với đồng tở.” Và ngay khi ông vừa kết thúc câu nói, Winn-Dixie lại lao

tới chạy thoát thân. Tôi nhanh chóng đỡ ngài mục sư dậy, tránh ra khỏi đường chạy của nó vừa kịp lúc.

Có lẽ chúng tôi chẳng thể làm gì cho Winn-Dixie để khiến nó cảm thấy dễ chịu hơn, nên chúng tôi chỉ ngồi đó nhìn nó chạy qua chạy lại, hải hùng và hỗn hển. Và cứ mỗi khi có một tiếng sấm khác, Winn-Dixie lại hành động như thể đây là tận cùng thế giới.

“Cơn bão sẽ không diễn ra lâu nữa đâu,” ngài mục sư nói với tôi. “Khi nó kết thúc, hẳn là Winn-Dixie sẽ bình thường trở lại.”

Một lúc sau, bão cũng kết thúc: mưa ngừng rơi, chớp ngừng lóe sáng và sấm chớp ùng ùng cũng tan biến. Winn-Dixie cũng thôi không chạy tới chạy lui nữa mà tiến đến chỗ tôi và ngài mục sư đang ngồi, nghiêng nghiêng cái đầu như thể đang dò hỏi: “Hai người đang làm cái quái gì ở đây vào lúc nửa đêm thế này?”

Rồi nó trườn lên đi văng theo cung cách buồn cười vốn dĩ của nó, đẩy mình tiến từng centimet một, gần như là đang trượt vào ghế, trong khi mắt vẫn ngó lơ đi nơi khác, giả bộ như mọi chuyện diễn ra hoàn toàn bình thường, cứ như nó không hề có ý định trèo lên đi văng vậy. Và rồi thật bất ngờ, nó lại ở trên ghế.

Cả ba chúng tôi ngồi ở đó. Tôi xoa đầu Winn-Dixie và gãi phía sau tai nó như nó vẫn thích. “Mùa hè Florida đông bão rất nhiều,” ngài mục sư nói.

“Vâng,” tôi trả lời, lo sợ ông sẽ nói rằng chúng tôi không thể giữ một con chó luôn lên cơn hoảng loạn do một nỗi sợ hãi tâm lý mỗi khi trời nổi sấm.

“Chúng ta sẽ phải để ý tới nó,” ông vòng một tay ôm lấy Winn-Dixie. “Chúng ta phải đảm bảo không để nó ra ngoài trong cơn bão. Nó có thể sẽ đi mất. Chúng ta phải đảm bảo nó sẽ được an toàn.”

“Vâng,” tôi lặp lại câu trả lời một lần nữa. Đột nhiên tôi không biết phải nói như thế nào. Tôi yêu ngài mục sư. Tôi yêu ông bởi ông cũng yêu Winn-Dixie. Tôi yêu ông bởi ông đã tha thứ cho sự sợ hãi của Winn-Dixie. Nhưng hơn tất cả, tôi yêu ông bởi ông đã đưa tay ra ôm Winn-Dixie như thế, như thể ông đang cố gắng giữ cho nó được an toàn.

Chương 12

Ngày đầu tiên đi làm ở cửa tiệm thú cưng của Gertrude, tôi và Winn-Dixie đến sớm đến nỗi tấm biển “Đóng cửa” còn treo trên cửa sổ. Nhưng cánh cửa chính vẫn mở ra khi tôi đẩy, thế nên chúng tôi bước vào trong. Tôi đang định lên tiếng gọi Otis để báo chúng tôi đã ở đây thì đột nhiên nghe thấy tiếng nhạc. Đó là thứ âm nhạc đẹp nhất tôi từng được nghe. Tôi nhìn quanh để tìm nơi phát ra tiếng nhạc, và đó cũng là lúc tôi nhận ra rằng tất cả các con vật đã ra khỏi lồng. Thỏ, chuột đồng, chuột nhắt, chuột chũi, chim, thằn lằn và rắn, tất cả đang ở trên sàn nhà như thể đã hóa thành đá vậy. Và đứng ở giữa bọn chúng là Otis đang say sưa chơi đàn ghi-ta. Ông đi một đôi bốt cao bồi mũi nhọn, bó sát và đang nhún nhảy theo điệu nhạc. Mắt ông khép lại và miệng ông mỉm cười.

Mặt Winn-Dixie trở nên hết sức mơ màng. Nó cười thật tươi với Otis rồi hắt hơi một cái. Râu nó xoắn lại. Nó thở dài rồi gần như ngã xuống nền nhà cùng tất cả các con vật khác. Ngay lúc đó, Gertrude phát hiện ra Winn-Dixie. “Chó,” nó kêu lên và bay tới đậu lên đầu Winn-Dixie. Otis ngẩng lên nhìn tôi. Ông ngưng đánh đàn và bùa chú cũng ngay lập tức hết hiệu lực. Lũ thỏ bắt đầu nhảy cẫng, lũ chim bắt đầu bay, lũ thằn lằn bắt đầu bật dựng lên, lũ rắn bắt đầu trườn còn Winn-Dixie bắt đầu sủa và rượt đuổi bất cứ thứ gì động đậy. Otis thì hét lên, “Cứu tôi với!”

Trong một khoảng thời gian tưởng như dài lê thê, tôi và Otis hối hả chạy quanh bắt các con vật ấy lại. Chúng tôi liên tiếp va vào nhau hay giẫm lên các con vật, còn Gertrude thì luôn miệng kêu “Chó! Chó!”

Mỗi khi bắt được con gì, tôi thả nó vào ngay cái lồng đầu tiên tôi nhìn thấy mà không thèm quan tâm cái lồng đó có đúng hay không; chỉ cần quăng nó vào rồi đóng cửa lại. Và trong suốt thời gian đuổi bắt đó, tôi đã nghĩ rằng Otis hẳn hẳn là một người bỏ bùa rắn, theo cách ông có thể chơi

đàn mà làm cho mọi loài hóa đá. Rồi tôi lại nghĩ, “Điều đó thật ngu ngốc.” Tôi hét lên át tiếng sủa của Winn-Dixie và tiếng la ó của Gertrude, “Chơi nhạc đi, bác Otis.”

Ông nhìn tôi một lúc rồi bắt đầu chơi đàn và chỉ trong vài giây, mọi thứ lại yên lặng trở lại. Winn-Dixie nằm trên sàn nhà, hấp háy mắt, cười với chính mình và hắt hơi liên tục. Lũ chuột, thỏ, thằn lằn và rắn chúng tôi chưa bắt được cũng trở nên im lặng không động đậy. Tôi chỉ việc nhặt chúng lên từng con một cho vào lồng.

Khi tôi xong xuôi, Otis cũng ngừng chơi đàn. Ông nhìn xuống đôi giày của mình. “Ta chỉ muốn chơi nhạc cho chúng nghe. Âm nhạc khiến chúng hạnh phúc.”

“Vâng,” tôi nói. “Nhưng chúng tự thoát ra khỏi lồng ạ?”

“Không. Ta thả chúng ra bởi ta biết chúng buồn khi bị nhốt cả ngày như thế. Ta hiểu cảm giác bị nhốt tồi tệ như thế nào.”

“Bác hiểu?”

“Ta đã từng ở tù,” Otis trả lời. Ông ngẩng lên nhìn tôi thật nhanh rồi lại cúi xuống nhìn đôi giày của mình.

“Đã từng?”

“Đừng để ý,” ông nói. “Không phải cháu ở đây để quét dọn sàn nhà sao?”

“Vâng ạ.”

Ông bước lại phía quầy tính tiền, tìm kiếm trong một đồng đủ thứ lộn xộn rồi trở ra với một cây chổi.

“Chổi đây,” ông nói. “Cháu nên bắt đầu quét dọn ngay bây giờ.” Hẳn ông đang lúng túng lắm, bởi thay vì đưa tôi cái chổi, ông lại đưa tôi cây đàn ghi-

ta của mình.

“Vói cây đàn của bác sao?” tôi ngạc nhiên.

Ông đỏ mặt, đưa tôi cái chổi và tôi bắt đầu làm việc. Tôi là một người quét dọn giỏi. Tôi quét một lượt toàn bộ và phủ bụi trên mấy cái giá. Trong toàn bộ thời gian tôi lau dọn, Winn-Dixie đi theo tôi và Gertrude đi theo nó, bay theo phía sau hay đậu trên đầu, trên lưng con chó và kêu lên khe khẽ, “Chó, chó.”

Otis cảm ơn tôi sau khi công việc hoàn tất. Tôi rời tiệm thú cưng của Gertrude với ý nghĩ rằng ngài mục sư có lẽ sẽ không hài lòng lắm khi biết tôi làm việc cho một kẻ tội phạm.

Sweetie Pie Thomas đang đứng đợi tôi ngay trước cửa. “Em thấy rồi,” cô bé nói. Nó đứng đó mút ngón tay và nhìn tôi chăm chú.

“Thấy gì cơ?” tôi hỏi lại.

“Em thấy tất cả các con vật ra khỏi lồng và đứng im không động đậy. Ông ý có phép thuật đúng không?”

“Gần như thế,” tôi nói với cô bé.

“Giống con chó này đúng không?” Nó vòng tay ôm lấy cổ Winn-Dixie.

“Đúng vậy.”

Tôi bắt đầu bước đi, và Sweetie Pie bỏ ngón tay ra khỏi miệng, chạm vào tôi.

“Chị sẽ đến bữa tiệc sinh nhật của em chứ?”

“Chắc chắn rồi.”

“Chủ đề là màu hồng.”

“Chị biết.”

“Em phải đi bây giờ,” đột nhiên nó nói. “Em phải về nhà kể với mẹ những gì em đã thấy. Em sống ở ngay đây, trong căn nhà màu vàng. Mẹ em đang đứng ở cổng kia kia. Chị thấy mẹ em không? Mẹ đang vẫy chị đấy.”

Tôi vẫy tay chào người đàn bà đứng ở cổng và bà vẫy tay chào lại. Tôi nhìn theo Sweetie Pie chạy về nhà để kể cho mẹ về việc Otis có phép thuật. Nó khiến tôi nghĩ đến mẹ mình và tôi chợt nhận ra mình muốn kể cho mẹ nghe chuyện Otis bỏ bùa các con vật đến thế nào. Tôi đang sưu tập những câu chuyện để kể cho mẹ. Tôi cũng sẽ kể cho bà nghe về bà Franny và con gấu, về chuyện tôi gặp gỡ bà Gloria Dump và trong giây lát tôi đã tin bà là phù thủy. Tôi có cảm giác đó là loại chuyện mẹ sẽ thích, loại chuyện có thể khiến mẹ cười thật to, theo như ngài mục sư nói về mẹ.

Chương 13

Tôi và Winn-Dixie bắt đầu quen với việc hàng ngày rời xe moóc từ sáng sớm để đi đến tiệm thú cưng của Gertrude vừa kịp lúc nghe Otis đánh đàn ghi-ta cho lũ thú cưng. Thỉnh thoảng Sweetie Pie cũng lên vào cùng tham gia buổi hòa nhạc đặc biệt này. Cô bé ngồi trên sàn nhà, vòng tay xung quanh Winn-Dixie và lắc lư nó qua lại như thể đang ôm một con gấu bông to cũ kỹ. Khi âm nhạc kết thúc, nó bước xung quanh cố tìm ra con vật mà nó thích, nhưng rồi nó luôn bỏ cuộc và đi về nhà, bởi thú duy nhất mà nó muốn là một con chó như Winn-Dixie. Sau khi cô bé đi, tôi bắt đầu lau dọn và cả sắp xếp lại mấy cái kệ, bởi thậm chí bác Otis còn không thèm để ý đến việc sắp xếp chúng, nhưng tôi thì có. Khi tôi làm xong, Otis sẽ đánh dấu thời gian tôi làm ở đây trong một quyển sổ mà ở bên ngoài ông viết, “Một vòng cổ da màu đỏ, một dây xích da màu đỏ.” Trong suốt thời gian tôi ở đây, không khi nào ông cư xử như một tên tội phạm cả.

Sau khi hoàn thành công việc ở cửa tiệm thú cưng của Gertrude, tôi và Winn-Dixie sẽ đi thẳng tới Thư viện Tưởng niệm Herman W. Block để nói chuyện với bà Franny Block và nghe bà kể chuyện. Nhưng nơi yêu thích nhất của tôi suốt mùa hè đó là khu vườn của bà Gloria Dump. Tôi đoán đây cũng là nơi yêu thích nhất của Winn-Dixie, bởi ngay khi còn cách khu vườn một dãy phố, nó đã vùng chạy bỏ xa xe đạp của tôi và lao hết tốc độ về phía khu vườn với những thìa đất bơ đậu phộng đang chờ đợi nó.

Thỉnh thoảng, Dunlap và Stevie sẽ đi theo tôi. Chúng hét lên, “Con gái ngài mục sư đến thăm mục phù thủy!”

“Bà ý không phải phù thủy,” tôi nói với chúng. Tôi phát điên lên bởi cái cách chúng không thèm nghe tôi nói mà tiếp tục tin bất cứ điều gì chúng muốn tin về bà Gloria Dump.

Một lần Stevie nói với tôi, “Mẹ tao nói mày không nên suốt ngày nhốt mình trong cái tiệm thú cưng, trong cái thư viện hay ngồi nói chuyện với mấy bà già ấy. Mẹ nói mày nên ra ngoài hít thở không khí và chơi với những đứa trẻ đồng trang lứa. Mẹ tao nói thế đấy.”

“Ôi bỏ qua mẹ đi,” Dunlap quay sang nói với Stevie, rồi lại quay sang tôi. “Nó không có ý đó đâu.”

Nhưng tôi đã thực sự cáu. Tôi hét vào mặt Stevie, “Tao không để ý mẹ mày nói cái gì. Bà ý không phải mẹ tao nên không thể nào dạy dỗ tao phải làm cái này cái nọ.”

“Tao sẽ kể lại với mẹ những gì mày nói,” nó hét lại, “Mẹ tao sẽ nói với cha mày và ông sẽ khiến mày phải xấu hổ trước toàn thể nhà thờ. Gã đàn ông ở tiệm thú cưng là một kẻ thiếu năng, ông ta đã từng ở tù và tao tò mò muốn biết liệu cha mày có biết điều đó không.”

“Otis không thiếu năng,” tôi nói. “Và cha tao biết bác ấy đã từng ở tù.” Đó là một lời nói dối. Nhưng tôi không quan tâm. “Mày cứ nói xấu tao nếu mày muốn, đồ con nít đầu trọc.”

Tôi thể là tôi vô cùng mệt mỗi khi ngày nào cũng phải hét lên như thế với Dunlap và Stevie mỗi lúc đến khu vườn của bà Gloria Dump. Tôi có cảm giác mình là người lính đang phải tham gia vào một trận chiến vô cùng khốc liệt. Bà Gloria sẽ làm cho tôi một cái bánh xăng-uych bơ đậu phộng ngay lập tức và pha cho tôi một cốc cà phê với một nửa là sữa - thứ có thể khiến tôi dễ chịu trở lại.

“Sao cháu không chơi với mấy cậu bé đó?” bà hỏi tôi.

“Tại bọn nó ngu ngốc,” tôi trả lời. “Bọn nó vẫn nghĩ bà là phù thủy dù cháu có nói là không phải như thế bao nhiêu lần đi nữa.”

“Ta nghĩ chúng chỉ đang cố gắng kết bạn với cháu theo một cách nào đó thôi.”

“Nhưng cháu không muốn kết bạn với bọn nó.”

“Có thể sẽ rất vui nếu có hai đứa con trai làm bạn đấy.”

“Cháu thích nói chuyện với bà hơn,” tôi nói. “Bọn nó ngốc lắm, đúng là bọn con trai.”

Bà Gloria sẽ lắc đầu thờ dài, sau đó bà hỏi tôi chuyện gì đang diễn ra và tôi có chuyện gì để kể cho bà không. Và tôi luôn luôn có.

Chương 14

Thỉnh thoảng tôi kể cho bà Gloria câu chuyện mà bà Franny Block vừa kể cho tôi, hay bắt chước Otis gõ nhịp giày và chơi đàn cho tất cả các con vật nghe. Đôi khi tôi tưởng tượng ra một câu chuyện và bà Gloria Dump sẽ chăm chú lắng nghe từ đầu đến cuối. Bà nói với tôi rằng bà đã từng rất thích đọc truyện, nhưng giờ thì bà không đọc được nữa bởi mắt bà kém quá rồi.

“Bà không thể tìm mua một đôi kính thật tốt ư?” tôi hỏi.

“Cháu à,” bà nói, “người ta không làm ra kính đủ tốt cho những đôi mắt như thế này.”

Một ngày, khi thủ tục kể chuyện đã kết thúc, tôi quyết định nói với bà về việc bác Otis là một tên tội phạm. Tôi nghĩ mình nên kể với một người lớn tuổi về chuyện đó, và bà Gloria là người lớn tuổi tốt bụng nhất mà tôi biết.

“Bà Gloria?” tôi gọi.

“Hử?” bà trả lời.

“Bà có biết bác Otis không?”

“Ta không biết Otis, nhưng ta biết những gì cháu kể cho ta về anh ta.”

“Ừm, bác ấy là một tên tội phạm. Bác ấy đã từng ở tù. Bà có cho rằng cháu nên sợ bác ấy không?”

“Vì lý do gì?”

“Cháu không biết, do đã làm điều xấu, cháu đoán thế. Do đã từng ở tù.”

“Cháu à,” bà Gloria nói, “hãy để ta chỉ cho cháu vài thứ.” Bà chậm chạp đứng dậy khỏi ghế và bám vào tay tôi. “Đi với ta ra phía sau khu vườn này

nào.”

“Vâng ạ,” tôi nói.

Chúng tôi bước đi và Winn-Dixie theo sát ngay sau chúng tôi. Đó là một khu vườn khổng lồ tôi thậm chí còn chưa từng đi ra tận phía sau. Rồi chúng tôi dừng lại ở một cây cổ thụ già nua.

“Nhìn cái cây này đi,” bà nói.

Tôi nhìn lên thì thấy những cái chai treo lủng lẳng đầy trên cành cây. Đó là những vỏ chai ulyt-ky, chai bia và chai rượu được buộc lên đó bằng những sợi dây. Chúng va loảng xoảng vào nhau tạo nên những âm thanh ma quỷ. Tôi và Winn-Dixie đứng đó chăm chú nhìn lên cây, lông trên đỉnh đầu Winn-Dixie khẽ dựng và nó găm gừ trong cổ họng.

Bà Gloria Dump giờ gậy lên chỉ vào cái cây.

“Cháu nghĩ sao về cái cây này?”

Tôi trả lời, “Cháu không biết. Tại sao lại có những cái chai trên đó?”

“Để xua đuổi những bóng ma,” bà Gloria trả lời.

“Bóng ma nào cơ?”

“Bóng ma của tất cả những việc việc sai trái ta đã làm.”

Tôi nhìn những cái chai treo trên cây. “Bà đã từng làm nhiều việc xấu đến thế ư?”

“Ừm,” bà nói. “Còn nhiều hơn thế nữa.”

“Nhưng bà là người tốt nhất mà cháu biết,” tôi nói với bà.

“Điều đó không có nghĩa rằng ta chưa từng làm việc xấu.”

“Có cả chai uýt-ky trên đó, và cả chai bia nữa.”

“Cháu à,” bà Gloria Dump nói, “ta biết điều đó. Chính ta là người treo chúng lên đấy. Chính ta là người đã uống những gì có trong đó.”

“Mẹ cháu cũng uống bia rượu,” tôi lí nhí.

“Ta biết.”

“Ngài mục sư nói rằng đôi khi mẹ không thôi uống được.”

“Ừm,” bà nói. “Đó là do tác động của bia rượu lên một số người. Họ bắt đầu uống và không thể dừng lại được.”

“Bà có phải một trong số đó không?”

“Phải, cháu à. Nhưng bây giờ ta không uống gì mạnh hơn cà phê.”

“Có phải uýt-ky, bia và rượu, có phải chúng khiến bà làm những việc xấu gây ra bóng ma này không?”

“Một số,” bà Gloria Dump nói, “một số việc còn lại dù sao ta cũng vẫn làm, dù có men rượu hay không. Trước khi ta học được rằng...”

“Học được gì ạ?”

“Học được rằng điều gì là quan trọng nhất.”

“Điều đó là gì ạ?”

“Điều đó khác nhau tùy thuộc vào mỗi người. Cháu phải tự mình tìm ra nó thôi. Nhưng trong lúc này, cháu cần nhớ rằng, không phải ta lúc nào cũng có thể đánh giá ai đó qua những việc họ đã làm, mà phải bằng những việc họ đang làm. Cháu đánh giá Otis bằng thứ âm nhạc tuyệt đẹp mà ông ấy chơi và lòng tốt của ông ấy với các con vật, bởi đó là tất cả những gì cháu biết về ông tại thời điểm này. Được chứ?”

“Vâng ạ,” tôi trả lời.

“Và những cậu nhóc nhà Dewberry, cháu hãy cố gắng đừng quá khắt khe với chúng, được không?”

“Vâng ạ,” tôi lại vâng một lần nữa.

“Được rồi,” bà Gloria Dump quay lại và bắt đầu bước đi. Winn-Dixie hích tôi bằng cái mũi ướt át của nó và vẫy đuôi; nhưng khi thấy tôi không di chuyển, nó nhanh chóng chạy theo bà Gloria. Tôi đứng im ở đó ngắm nhìn cái cây. Tôi tò mò không biết rằng mẹ tôi, ở nơi nào đó, liệu có một cái cây treo đầy chai lọ thế này không; và tôi tự hỏi liệu tôi có phải là bóng ma của mẹ, cũng như đôi lúc mẹ là bóng ma của tôi hay không.

Chương 15

Điều hòa không khí trong Thư viện Tưởng niệm Herman W. Block hoạt động không được tốt lắm, mà ở đó chỉ có duy nhất một cái quạt, nên mỗi khi tôi và Winn-Dixie bước vào trong, con chó lập tức chiếm dụng nó. Winn-Dixie nằm ngay trước cái quạt, vẫy đuôi mặc cho gió thổi lông nó bay tứ tung. Một vài sợi đã quá già bay ra khỏi người nó như những sợi bồ công anh. Tôi vừa ngại nó chiếm dụng quá nhiều gió quạt, vừa sợ rằng cái quạt sẽ lại khiến nó trụi lông; nhưng bà Franny bảo rằng không phải lo lắng về cả hai điều đó, Winn-Dixie có thể nằm trước quạt nếu nó muốn và cả đời bà chưa từng nhìn thấy một con chó nào bị trụi lông vì gió quạt cả.

Thỉnh thoảng khi đang kể chuyện, bà Franny lại lên cơn đau. Đó là những cơn đau nhẹ và không kéo dài, nhưng sẽ khiến bà quên ngay lập tức câu chuyện bà đang kể. Bà chỉ đột ngột ngưng lại và bắt đầu co giật. Những lúc đó, Winn-Dixie sẽ rời khỏi cái quạt và đứng ngay bên cạnh bà Franny Block. Nó ngồi thẳng dậy, che chở cho bà với đôi tai dựng thẳng đứng trên đầu như một người lính. Khi bà Franny thôi không co giật nữa, Winn-Dixie sẽ liếm láp tay bà và quay trở lại nằm trước cái quạt.

Những cơn đau của bà Franny khiến tôi liên tưởng đến Winn-Dixie trong mùa bão sấm chớp. Mùa hè ở Floria rất nhiều dông bão, và tôi đã rất quen với việc ôm chặt Winn-Dixie mỗi khi dông bão tới. Tôi ôm lấy nó, vỗ về nó, thì thâm vào tai nó, lắc lư nó hết như cách chúng tôi xoa dịu bà Franny trong cơn đau vậy. Nhưng tôi ôm Winn-Dixie còn vì một lý do khác nữa: tôi ôm nó thật chặt để nó không thể chạy thoát khỏi tôi được.

Tất cả những cái đó lại khiến tôi nghĩ đến bà Gloria Dump: ai sẽ vỗ về bà khi bà nghe tiếng những cái chai đó va vào nhau lách cách, những bóng ma kể lể về những việc sai trái bà đã làm? Tôi muốn ở bên cạnh an ủi bà Gloria

Dump. Và tôi quyết định rằng cách tốt nhất để làm điều đó là đọc sách cho bà nghe, đọc đủ to để có thể xua đuổi những bóng ma đó.

Vì thế tôi hỏi bà Franny, “Bà Franny, cháu có một người bạn lớn tuổi mắt rất kém, nên cháu muốn đọc cho bà ấy nghe một quyển sách. Bà có gợi ý gì không?”

“Gợi ý?” bà Franny trả lời. “Có chứ, ta có thể gợi ý. Dĩ nhiên là ta có gợi ý. ‘Cuốn theo chiều gió’ thì sao?”

“Quyển đấy viết về gì ạ?”

“À, nó là một câu chuyện tuyệt vời kể về cuộc nội chiến.”

“Cuộc nội chiến?”

“Đừng nói với ta là cháu chưa bao giờ nghe nói đến cuộc nội chiến!” Bà Franny Block giơ tay ngang mặt. Trông bà như thể sắp ngất vậy.

“Cháu có biết về cuộc nội chiến,” tôi nói với bà. “Đó là cuộc chiến giữa miền Nam và miền Bắc về vấn đề nô lệ.”

“Nô lệ, đúng thế,” bà Franny nói. “Nó cũng là về quyền lợi và tiền bạc của các bang nữa. Nó là một cuộc chiến dã man. Cụ của ta đã chiến đấu trong cuộc chiến đó. Lúc bấy giờ ông mới chỉ là một cậu bé.”

“Cụ của bà?”

“Đúng thế, ngài Littmus W. Block. Và câu chuyện là thế này.”

Winn-Dixie ngáp một cái thật lớn và nằm phịch sang một bên, thở dài. Tôi thể là nó biết cụm từ đấy: “Và câu chuyện là thế này.” Nó cũng biết điều đó có nghĩa là chúng tôi sẽ không rời đi đâu ngay lập tức.

“Kể cho cháu nghe đi ạ, bà Franny,” tôi nói, ngồi khoanh chân bên cạnh Winn-Dixie. Tôi đẩy nó ra, cố gắng bắt nó chia sẻ một phần cái quạt, nhưng

nó vờ như đang ngủ. Và nó chắc chắn sẽ không nhúc nhích đi đâu cả.

Tôi đã ngồi yên và sẵn sàng cho một câu chuyện hấp dẫn thì cánh cửa bật mở và Amanda mặt nhăn nhó bước vào. Winn-Dixie ngồi dậy nhìn nó chăm chú. Nó cố nở một nụ cười với Amanda, nhưng con bé không cười lại, thế nên nó lại nằm xuống đất.

“Cháu đã sẵn sàng cho một quyển sách khác,” Amanda nói, ném phịch quyển sách lên bàn bà Franny.

“Ồ,” bà Franny nói, “có lẽ cháu không phiền chờ đợi một chút chứ. Ta đang kể cho India Opal câu chuyện về cụ của ta. Và dĩ nhiên cháu có thể nghe. Sẽ chỉ một phút thôi.”

Amanda thở một tiếng thật dài và nhìn liếc qua tôi. Nó giả vờ như không hứng thú, nhưng thực sự là có, tôi có thể nói chắc như thế.

“Lại đây ngồi nào,” bà Franny nói.

“Cảm ơn, nhưng cháu sẽ đứng,” nó trả lời.

“Cứ tự nhiên,” bà Franny tiếp tục. “Ta đang kể đến đâu rồi nhỉ? À đúng rồi, ngài Littmus. Littmus W. Block.”

Chương 16

“Ngài Littmus mới chỉ là một thiếu niên khi trận chiến Fort Sumter nổ ra,” bà Franny bắt đầu câu chuyện.

“Fort Sumter?” tôi hỏi lại.

“Trận chiến ở Fort Sumter đã khơi mào cuộc nội chiến,” Amanda nói.

“Được rồi,” tôi nhún vai.

“Chà, ngài Littmus lúc bấy giờ mới mười bốn tuổi. Ông cao lớn và khỏe mạnh nhưng vẫn chỉ là một cậu bé. Cha của ông, Artley B. Block, đã đầu quân trước đó, và Littmus nói với mẹ rằng ông không thể cứ đứng ngoài nhìn miền Nam bị đánh, nên ông cũng phải tham gia chiến đấu.” Bà Franny nhìn quanh thư viện rồi thì thầm, “Đàn ông con trai luôn muốn chiến đấu. Họ luôn tìm cho mình một lý do để tham gia chiến tranh. Đó là điều đáng buồn nhất. Họ luôn có ý niệm rằng chiến tranh là cái gì đó rất vui. Và không một bài học lịch sử nào có thể thuyết phục họ khác đi được.”

“Dù sao thì ngài Littmus cũng gia nhập quân đội. Ông khai gian tuổi của mình. Đúng thế, như ta đã nói, ông là một thiếu niên cao lớn. Quân đội chấp nhận ông, thế là ngài Littmus ra trận, bỏ lại sau lưng mẹ và ba chị em gái. Ông ra đi để trở thành một anh hùng. Nhưng rồi ông nhanh chóng nhận ra sự thật.” Bà Franny nhắm mắt lại, lắc lắc đầu.

“Sự thật nào ạ?” Tôi hỏi.

“Cuộc chiến đó là địa ngục,” bà Franny nói, mắt nhắm nghiền. “Địa ngục hoàn toàn.”

“Địa ngục là một từ bậy,” Amanda nói. Tôi liếc trộm nó một cái. Mặt nó nhăn lại hơn cả bình thường.

“Chiến tranh,” bà Franny nói trong khi mắt vẫn nhắm, “cũng nên là một từ bậy.” Bà lắc đầu một lần nữa rồi mở mắt. Bà chỉ vào tôi rồi chỉ vào Amanda. “Cháu, cả hai cháu, đều không tưởng tượng được đâu.”

“Không, bà ạ!” cả Amanda và tôi đồng thanh kêu lên. Chúng tôi nhìn nhau một cái thật nhanh rồi quay sang nhìn bà Franny.

“Các cháu không tưởng tượng được đâu. Littmus bị đói liên miên, luôn bị hành hạ bởi đủ loại sâu bọ, chấy rận. Vào mùa đông ông bị lạnh đến mức ông nghĩ mình sẽ đóng băng đến chết. Vào mùa hè, chà, không gì có thể tệ hơn chiến tranh vào mùa hè. Mùi hôi thối bốc lên nồng nặc. Thứ duy nhất khiến Littmus quên đi rằng mình bị đói, bị ngứa, hay bị nóng lạnh là khi ông bị kẻ thù nhắm bắn. Và ông đã bị bắn thật. Lúc đó ông vẫn chỉ là một đứa trẻ.”

“Ông có chết không?” tôi hỏi bà Franny.

“Trời ơi,” Amanda nhạo báng.

“Nếu lúc đó ông của ta bị giết chết,” bà Franny nói, “thì bây giờ ta đâu có ngồi đây mà kể chuyện này. Ta sẽ không tồn tại. Ông ấy phải sống, nhưng ông đã thay đổi để trở thành một người đàn ông khác hoàn toàn. Ông đi bộ trở về nhà khi chiến tranh kết thúc. Ông đi bộ từ Virginia về Georgia. Ông không có lấy một con ngựa. Không một ai có ngựa trừ những kẻ đến từ miền Bắc. Ông đã đi bộ suốt quãng đường ấy, thế nhưng khi ông trở về nhà, thì nhà đã không còn ở đó nữa.”

“Thế nó đâu rồi ạ?” tôi hỏi. Tôi không thêm quan tâm liệu Amanda có nghĩ rằng tôi ngu ngốc hay không. Tôi muốn biết câu trả lời.

“Sao chứ,” bà Franny kêu lên to đến mức khiến cả Winn-Dixie, Amanda Wilkinson và tôi đều nhảy dựng lên, “những kẻ đến từ miền Bắc đã đốt cháy nó! Đúng thế, đốt cháy thành tro bụi.”

“Những người chị em của ông thì sao?” Amanda hỏi. Nó đi quanh bàn rồi ngồi xuống sàn nhà, ngược lên nhìn bà Franny. “Chuyện gì đã xảy ra với họ?”

“Chết. Chết vì sốt thương hàn.”

“Ôi không,” Amanda kêu lên khe khẽ.

“Còn mẹ ông?” tôi thì thầm.

“Cũng chết.”

“Còn bố ông?” Amanda hỏi. “Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy?”

“Ông chết trên chiến trường.”

“Littmus trở thành mồ côi?” tôi hỏi.

“Đúng thế, Littmus thành trẻ mồ côi.”

“Câu chuyện buồn quá,” tôi nói với bà Franny.

“Chắc chắn là như thế,” Amanda nói. Tôi ngạc nhiên rằng nó cũng có thể đồng ý với tôi về một điều gì đó.

“Ta vẫn chưa kể xong đâu,” bà Franny lên tiếng.

Winn-Dixie bắt đầu ngáy, và tôi phải lấy chân huých nó để bắt nó im lặng. Tôi muốn nghe nốt phần còn lại của câu chuyện. Tôi cần phải biết ngài Littmus đã sống sót như thế nào sau khi đánh mất tất cả những gì ông yêu quý.

Chương 17

“Ngài Littmus trở về nhà sau chiến tranh,” bà Franny tiếp tục kể, “và nhận ra rằng mình chỉ còn một mình. Ông ngồi xuống nơi đã từng là bậc trước của ngôi nhà, và khóc, khóc mãi. Ông khóc như một đứa trẻ. Ông nhớ mẹ, nhớ cha, nhớ những người chị em của mình và nhớ cả chính mình khi vẫn còn là một cậu bé. Cuối cùng ông cũng thôi khóc, và ông có một cảm giác hết sức lạ lùng. Ông thèm đồ ngọt. Ông muốn một que kẹo. Đã hàng năm trời ông không được ăn cái kẹo nào. Ngay lập tức ông đưa ra quyết định. Littmus W. Block nhận ra rằng thế giới là nơi đau thương với quá nhiều điều xấu xa, nên điều ông sắp sửa làm là mang một chút vị ngọt vào trong đó. Ông lại đi bộ đến Florida, và trên suốt chặng đường, ông vẽ ra cho mình một kế hoạch.”

“Kế hoạch gì ạ?” tôi hỏi.

“Kế hoạch về một nhà máy sản xuất kẹo.”

“Rồi ông có xây nó không?” tôi hỏi.

“Dĩ nhiên là có. Nó vẫn còn ở đó bên bờ sông Fairville.”

“Cái tòa nhà cũ kỹ đấy á?” Amanda kêu lên. “Cái tòa nhà to lớn bị ma ám đấy á?”

“Nó không bị ma ám,” bà Franny nói. “Đấy là nơi sản sinh ra của cả gia đình ta. Tại đó cụ của ta đã sản xuất ra Littmus Lozenge, thương hiệu kẹo nổi tiếng toàn thế giới.”

“Cháu chưa bao giờ nghe cái tên đó,” Amanda nói.

“Cháu cũng vậy,” tôi để vào.

“Chà,” bà Franny giải thích, “họ không còn sản xuất loại kẹo đó nữa. Người ta dường như mất đi sự thèm khát những cái kẹo Littmus Lozenge. Nhưng ta vẫn còn một vài chiếc.” Bà mở ngăn kéo trên cùng của chiếc bàn, nó đầy kẹo. Bà mở ngăn kéo bên dưới, nó cũng đầy kẹo. Cả cái bàn của bà Franny Block ngập tràn kẹo.

“Các cháu có muốn thử một cái Littmus Lozenge không?” Bà hỏi tôi và Amanda.

“Có chứ ạ,” Amanda trả lời.

“Chắc chắn rồi,” đến lượt tôi. “Liệu Winn-Dixie có thể có một cái được không?”

“Ta chưa từng thấy con chó nào có hứng thú với kẹo cứng, nhưng nếu muốn, nó có thể thử.”

Bà Franny đưa cho Amanda một cái Littmus Lozenge và cho tôi hai. Tôi bóc một chiếc đưa cho Winn-Dixie. Nó ngồi dậy, khịt mũi, vẫy đuôi và lấy cái kẹo từ giữa hai ngón tay tôi hết sức nhẹ nhàng. Nó cố gắng nhai, và khi thấy không hiệu quả gì, nó nuốt chửng luôn cái kẹo. Rồi nó lại vẫy đuôi với tôi và nằm xuống.

Tôi ăn chiếc kẹo Littmus Lozenge của mình một cách từ tốn. Nó khá ngon, có vị bia rế cây pha lẫn dầu tây và một cái gì đó khác. Tôi không gọi tên nó được, nhưng đó là thứ khiến tôi tự nhiên cảm thấy buồn. Tôi nhìn Amanda. Nó đang ngậm cái kẹo của mình đầy vẻ suy tư.

“Cháu có thích không?” bà Franny hỏi tôi.

“Có bà ạ,” tôi trả lời.

“Còn cháu thì sao, Amanda? Cháu có thích Littmus Lozenge không?”

“Có ạ, nhưng nó khiến cháu nghĩ đến những thứ làm cháu buồn.”

Tôi tự hỏi trên đời này có thứ gì có thể khiến Amanda cảm thấy buồn. Nó không phải người mới ở thị trấn. Nó có bố mẹ, tôi đã thấy nó đi cùng họ ở nhà thờ.

“Có một thành phần bí mật ở trong đó,” bà Franny nói.

“Cháu biết,” tôi nói với bà. “Cháu có thể cảm nhận hương vị của nó. Nó là gì ạ?”

“Sự buồn phiền,” bà Franny trả lời. “Không phải ai cũng có thể cảm nhận nó. Đặc biệt là trẻ con rất khó nhận ra sự tồn tại của chúng.”

“Cháu nhận ra nó,” tôi nói.

“Cháu cũng vậy,” đến lượt Amanda.

“Vậy thì,” bà Franny, “rất có thể hai cháu có nỗi buồn của riêng mình.”

“Cháu phải rời Watley và bỏ lại tất cả những người bạn của mình,” tôi nói. “Đó là một nỗi buồn của cháu. Rồi Dunlap và Stevie cũng luôn luôn trêu chọc cháu nữa. Và quan trọng nhất, nỗi buồn lớn nhất là mẹ đã bỏ cháu từ khi cháu còn bé xíu. Cháu chẳng nhớ gì về mẹ cả; cháu luôn hy vọng có thể gặp lại mẹ và kể chuyện cho mẹ nghe.”

“Nó khiến cháu nhớ về Carson,” Amanda nói như thể sắp khóc vậy. “Cháu phải đi đây.” Nó đứng dậy gần như là vụt chạy ra khỏi Thư viện Tưởng niệm Herman W. Block.

“Carson là ai vậy?” tôi hỏi bà Franny.

Bà chỉ lắc đầu. “Sự ưu phiền,” bà nói. “Đây là một thế giới đầy những ưu phiền.”

“Nhưng làm thế nào mà bỏ nỗi ưu phiền vào trong kẹo được ạ?” Tôi hỏi. “Làm thế nào để cho kẹo có vị buồn phiền?”

“Đó là một bí mật. Đó là lý do tại sao Littmus trở nên giàu có. Ông sản xuất ra một loại kẹo cùng một lúc có vị vừa ngọt vừa buồn.”

“Cháu có thể lấy một cái cho bà Gloria Dump bạn cháu được không ạ? Một cái cho bác Otis ở cửa tiệm thú cưng Gertrude nữa? Một cái khác cho ngài mục sư? Và một cái nữa cho Sweetie Pie?”

“Cháu có thể lấy bao nhiêu tùy thích.”

Thế là tôi nhét kẹo Littmus Lozenge đầy túi mình và cảm ơn bà Franny vì câu chuyện. Tôi lấy quyển *Cuốn theo chiều gió* (nó là một quyển sách rất to) và gọi Winn-Dixie dậy. Hai chúng tôi rời khỏi thư viện đi đến khu vườn của bà Gloria Dump. Tôi đạp xe ngang qua nhà Dewberry. Dunlap và Stevie đang chơi bóng ở sân trước và tôi chuẩn bị sẵn tinh thần để hét lên với chúng; nhưng rồi tôi nghĩ đến lời của bà Franny, rằng chiến tranh là địa ngục, và tôi nghĩ đến điều bà Gloria Dump nói, rằng không nên quá khắt khe với chúng, nên tôi chỉ vẫy tay với chúng. Chúng đứng đó nhìn tôi chằm chằm, nhưng khi tôi gần đi khuất, tôi thấy Dunlap giơ tay lên vẫy chào lại.

“Chào,” nó hét lớn. “Chào, Opal.”

Tôi vẫy mạnh hơn và nghĩ về Amanda Wilkinson, về việc rõ ràng là nó cũng thích những câu chuyện hay như tôi vậy. Và tôi lại tự hỏi... Carson là ai?

Chương 18

Khi đến chỗ bà Gloria Dump, tôi nói với bà rằng tôi có hai bất ngờ cho bà và hỏi bà muốn cái nào trước, bất ngờ lớn hay bất ngờ nhỏ.

“Cái nhỏ trước,” bà Gloria nói.

Tôi đưa cho bà một chiếc Littmus Lozenge và bà lăn qua lăn lại nó trên tay mình để cảm nhận.

“Kẹo?”

“Vâng ạ,” tôi trả lời. “Nó được gọi là Littmus Lozenge.”

“Ôi Chúa ơi. Ta biết những cái kẹo này. Cha ta đã từng ăn mà.” Bà bóc vỏ chiếc kẹo, đưa lên miệng và gậm đầu.

“Bà có thích nó không?” tôi hỏi.

“Ừm.” Bà khẽ gậm đầu. “Nó có vị ngọt, nhưng lại có vị như thể có ai đó đang rời đi.”

“Ý bà là buồn?” tôi hỏi lại. “Nó có tạo ra vị buồn phiền trong bà không?”

“Đúng rồi, nó có vị buồn phiền nhưng vẫn ngọt. Nào, bất ngờ thứ hai là gì?”

“Một quyển sách,” tôi nói.

“Một quyển sách?”

“Vâng. Cháu sẽ đọc cho bà nghe quyển Cuốn theo chiều gió. Bà Franny nói rằng nó là một quyển rất hay nói về cuộc nội chiến. Bà có biết cuộc nội chiến không?”

“Ta đã từng nghe đến nó một hai lần trước đây,” bà Gloria gật đầu, miệng vẫn ngậm chiếc kẹo Littmus Lozenge.

“Chúng ta sẽ phải mất nhiều thời gian đọc nó đây,” tôi nói với bà. “Nó có tất cả một ngàn không trăm ba mươi bảy trang.”

“Ái chà,” bà Gloria ngồi xuống ghế và đặt hai tay vắt chéo ngang qua bụng. “Tốt hơn hết là chúng ta nên bắt đầu ngay bây giờ.”

Thế là tôi bắt đầu đọc chương đầu tiên quyển *Cuốn theo chiều gió* cho bà Gloria Dump. Tôi đọc thật to để xua đuổi những bóng ma ra khỏi đây. Bà Gloria Dump lắng nghe chăm chú. Khi tôi đọc xong, bà nói đấy là bất ngờ tuyệt vời nhất bà từng có và bà rất nóng lòng chờ nghe chương hai.

Tối hôm đó, tôi đưa cho ngài mục sư chiếc kẹo Littmus phần ông ngay trước khi ông hôn tôi chúc ngủ ngon.

“Gì đây?” ông hỏi.

“Đây là loại kẹo cụ của bà Franny sáng tạo ra, tên là Littmus Lozenge.”

Ngài mục sư bóc vỏ và đưa lên miệng. Trong phút chốc ông bắt đầu xoa nhẹ mũi và gật đầu.

“Cha có thích nó không?” tôi hỏi.

“Nó có một vị rất đặc trưng...”

“Bia rễ cây?”

“Cái gì đó khác nữa.”

“Dâu tây?”

“Có cả vị đó, nhưng vẫn còn một vị gì đó. Thật kỳ lạ.”

Tôi có thể thấy ngài mục sư càng lúc càng đăm chiêu. Ông khom vai lại, hạ thấp cằm xuống và sẵn sàng để chui vào lại cái mai của mình.

“Nó có một chút vị u sầu.”

“U sầu ư? Nó là gì vậy?”

“Buồn,” ông nói, bóp mũi mạnh hơn nữa. “Nó khiến cha nhớ đến mẹ con.”

Winn-Dixie khịt mũi ngửi cái vỏ kẹo trên tay ngài mục sư.

“Nó có vị buồn,” ông nói và thở dài. “Đây hẳn là một mẻ kẹo hỏng.”

“Không,” tôi nói với ông. “Đó là một phần hương vị của nó. Ngài Littmus trở về sau chiến tranh và toàn bộ gia đình ông đã chết. Cha ông chết trên chiến trường, mẹ và các chị em của ông chết vì bệnh dịch còn nhà của ông bị những kẻ đến từ miền Bắc đốt cháy. Littmus đã buồn, rất buồn và thứ ông cần nhất trên đời này là cái gì đó ngọt ngào. Vì thế ông xây dựng nhà máy sản xuất kẹo và tạo ra Littmus Lozenge. Ông đã trộn tất cả nỗi buồn của mình vào trong đó.”

“Lạy Chúa tôi,” ngài mục sư kêu lên.

Winn-Dixie thổi bay cái vỏ kẹo ra khỏi tay ngài mục sư và bắt đầu nhai.

“Đưa nó cho tao,” tôi yêu cầu Winn-Dixie nhưng nó không chịu từ bỏ. Tôi phải đưa tay vào miệng nó lôi ra. “Mày không thể ăn vỏ kẹo được.”

Ngài mục sư hắng giọng. Tôi nghĩ rằng ông sắp sửa nói ra điều gì đó quan trọng, có thể là một điều khác nữa ông nhớ về mẹ tôi; nhưng rồi ông nói: “Opal này, hôm trước ta có nói chuyện với bà Dewberry. Bà bảo Stevie nói với bà rằng con gọi nó là đồ con nít trọc đầu.”

“Đó là sự thật,” tôi nói. “Con đã gọi nó như thế. Nhưng tại nó cứ luôn miệng nói bà Gloria Dump là phù thủy, và bác Otis là kẻ thiếu năng. Một lần nó còn nói rằng mẹ nó bảo con không thể cứ suốt ngày chơi với mấy bà già được. Nó đã nói như thế đấy.”

“Ta nghĩ con nên xin lỗi,” ngài mục sư nói.

“Con sao?”

“Đúng thế,” ông nói. “Con. Con nói với Stevie rằng con xin lỗi nếu con nói bất cứ điều gì làm tổn thương nó. Ta chắc nó chỉ muốn kết bạn với con thôi.”

“Con không nghĩ thế,” tôi nói. “Con không nghĩ nó muốn kết bạn với con đâu.”

“Một số người có cách kết bạn hết sức kỳ lạ. Con cần phải xin lỗi.”

“Vâng, thưa cha,” tôi trả lời. Rồi tôi chợt nhớ đến Carson. “Cha,” tôi gọi, “cha có biết điều gì đó về Amanda Wilkinson không?”

“Điều gì là điều gì cơ?”

“Cha có biết gì về nó và một người tên là Carson không?”

“Carson là em trai cô bé. Cậu bé chết đuối hồi năm ngoái.”

“Chết rồi sao?”

“Đúng vậy,” ông nói. “Gia đình cô bé vẫn còn rất đau khổ về chuyện này.”

“Hồi đó nó mấy tuổi ạ?”

“Năm. Hồi đó cậu bé mới chỉ năm tuổi.”

“Cha,” tôi lại gọi, “tại sao chưa bao giờ cha nói với con điều gì tương tự như thế?”

“Bi kịch của người khác không phải là đề tài cho những cuộc nói chuyện không đâu. Không có lý do gì để cha phải kể với con cả.”

“Đó là điều con cần phải biết. Bởi vì nó giúp con hiểu Amanda. Chẳng trách nó luôn mang bộ mặt cau có.”

“Con nói gì vậy?” ngài mục sư hỏi.

“Không có gì ạ,” tôi trả lời.

“Ngủ ngon nhé, India Opal,” ngài mục sư nói. Ông cúi xuống hôn tôi và tôi có thể ngửi thấy mùi bia rế cây, dâu tây và cả nỗi buồn trong hơi thở của ông. Ông vỗ nhẹ lên đầu Winn-Dixie, rồi đứng dậy, tắt điện và đóng cửa phòng.

Tôi chưa ngủ ngay lập tức. Tôi nằm đó mà suy nghĩ rằng cuộc sống cũng như một chiếc kẹo Littmus Lozenge, nơi mà vị ngọt và nỗi buồn đan trộn vào nhau và rằng tách rời chúng khỏi nhau khó khăn biết bao. Thật là rắc rối.

“Cha!” tôi kêu lớn.

Chỉ một phút sau, ông đã mở cửa phòng và nhướn lông mày nhìn tôi.

“Cha nói là từ gì ấy nhỉ? Cái từ có nghĩa là nỗi buồn ấy?”

“U sầu,” ông nói.

“U sầu,” tôi lặp lại. Tôi thích âm thanh của nó, nghe như có giai điệu ẩn giấu trong đó.

“Giờ thì chúc con ngủ ngon,” ngài mục sư nói.

“Chúc cha ngủ ngon,” tôi đáp lại.

Tôi ra khỏi giường, bóc một chiếc Littmus Lozenge, chăm chú ngậm nó và nghĩ về việc mẹ rời bỏ tôi. Đó là cảm giác u sầu. Rồi tôi nghĩ đến Amanda và Carson. Nó cũng khiến cho tôi cảm thấy u sầu. Tôi nghiệp Amanda. Tôi nghiệp Carson. Cậu bé mới chỉ bằng tuổi Sweetie Pie, nhưng sẽ không bao giờ có được bữa tiệc sinh nhật sáu tuổi của mình.

Chương 19

Buổi sáng, tôi và Winn-Dixie đi đến lau dọn tiệm thú cưng, và tôi mang theo một chiếc Littmus Lozenge cho bác Otis.

“Hôm nay là Halloween à?” Otis hỏi khi tôi đưa kẹo cho ông.

“Không ạ,” tôi trả lời. “Tại sao bác lại hỏi thế?”

“Vì cháu vừa cho ta kẹo.”

“Nó chỉ là một món quà thôi ạ, cho ngày hôm nay.”

“Ồ,” Otis bóc chiếc kẹo và đưa lên miệng. Sau một phút, nước mắt bắt đầu lăn trên gò má ông.

“Ta cảm ơn,” ông nói.

“Bác có thích nó không?” tôi hỏi.

Ông gật đầu. “Nó rất ngon, nhưng nó cũng có vị như đang ở trong tù vậy.”

“Gertrude,” con vẹt Gertrude kêu lên oai oái. Nó dùng mỏ nhặt cái vỏ kẹo Littmus Lozenge lên, rồi thả xuống và nhìn xung quanh. “Gertrude!” nó lại hét lên.

“Sẽ không có cái nào cho mày đâu,” tôi nói với nó. “Chim không ăn được kẹo.” Rồi thật nhanh, ngay trước khi tôi lại mất hết can đảm, tôi lên tiếng, “Bác Otis ơi, tại sao bác lại phải vào tù? Có phải bác đã giết người không?”

“Không đâu cháu,” ông nói.

“Có phải bác đã ăn trộm không?”

“Không đâu cháu,” ông lặp lại. Ông ngậm kẹo trong miệng và nhìn chăm chăm xuống đôi giày mũi nhọn của mình.

“Bác không cần phải nói với cháu đâu,” tôi nói. “Cháu chỉ tò mò thế thôi ạ.”

“Ta không phải là người nguy hiểm,” Otis nói, “nếu như đó là những gì cháu đang nghĩ. Ta đơn độc, nhưng không nguy hiểm.”

“Được rồi ạ,” tôi nói, và đi vào phòng phía sau để lấy cây chổi của mình. Khi tôi bước ra, Otis vẫn đứng đó, vẫn chăm chú nhìn xuống đôi giày.

“Đó là bởi vì âm nhạc,” ông nói.

“Sao ạ?”

“Đó là lý do ta vào tù, đó là bởi vì âm nhạc.”

“Chuyện gì đã xảy ra hả bác?”

“Ta không thể ngừng chơi ghi-ta được. Ta đã từng chơi trên đường phố và thỉnh thoảng người ta cho ta tiền, nhưng ta chơi nhạc không phải vì tiền, mà bởi vì âm nhạc sẽ đẹp hơn nếu như có người lắng nghe nó. Rồi cảnh sát đến. Họ yêu cầu ta không được chơi nữa. Họ nói rằng ta đã phạm luật, và trong khi họ nói, ta vẫn cứ tiếp tục chơi. Điều đó khiến họ nổi giận. Họ cố gắng còng tay ta lại.” Ông thở dài. “Ta không thích như thế, ta không thể tiếp tục chơi nhạc với đôi tay bị còng được.”

“Rồi chuyện gì đã xảy ra?”

“Ta đã đánh,” ông thì thầm.

“Bác đánh cảnh sát?”

“Ừm, một trong số họ. Ta hạ đo ván gã, và rồi bị đưa vào tù. Họ nhốt ta lại và không cho ta động đến cây đàn ghi-ta của mình. Cuối cùng thì họ

cũng thả ta ra, nhưng ta phải hứa không bao giờ được chơi đàn trên phố nữa.” Ông ngược lên nhìn tôi thật nhanh rồi lại cúi xuống đôi giày của mình. “Và ta không chơi trên phố nữa, ta chỉ chơi ở đây thôi, cho con vẹt Gertrude, cho bà chủ Gertrude - bà cho ta công việc này khi bà đọc tin về ta trên một tờ báo. Bà nói ta có thể chơi ở đây cho loài vật nghe.”

“Bác chơi cho cả cháu, Winn-Dixie và Sweetie Pie nghe nữa,” tôi nói.

“Đúng thế,” ông đồng ý. “Nhưng các cháu không ở trên phố.”

“Cảm ơn vì đã kể cho cháu nghe, bác Otis,” tôi nói.

“Không sao đâu,” ông nói. “Ta không phiền đâu.”

Sweetie Pie bước vào và tôi đưa cho nó một cái Littmus Lozenge, nhưng nó nhổ ra ngay lập tức, nói rằng mùi vị chiếc kẹo quá tệ. Cô bé nói rằng nó có vị như là không được phép nuôi chó vậy.

Tôi quét dọn sàn nhà thật chậm chạp ngày hôm đó. Tôi muốn ở lại làm bạn với Otis. Tôi không muốn ông lại cảm thấy cô đơn. Đôi khi, dường như tất cả mọi người trên thế giới này đều đơn độc. Tôi nghĩ đến mẹ tôi. Nghĩ về việc mẹ đã gây nên một thứ cảm giác không khác gì cảm giác về lỗ hổng mà lưỡi bạn cảm nhận sau khi mất đi một cái răng vậy. Thời gian trôi qua, tâm trí tôi cứ trôi dần về phía khoảng trống đấy, khoảng trống mà đáng ra mẹ tôi phải ở đó.

Chương 20

Khi tôi kể cho bà Gloria Dump về bác Otis và lý do ông bị bắt, bà cười lớn đến nỗi phải đưa tay giữ chặt hàm răng giả để chúng không bay ra khỏi miệng.

“Ồi chà,” bà nói sau khi kết thúc trận cười của mình. “Thật là một tội phạm nguy hiểm đấy nhỉ.”

“Bác ấy là một người cô đơn,” tôi nói với bà. “Bác ấy chỉ muốn chơi nhạc cho ai đó nghe thôi.”

Bà Gloria đưa viên váy của mình lên lau mắt. “Ta biết điều đó, cháu yêu. Nhưng đôi khi mọi chuyện buồn đến mức buồn cười.”

“Bà biết điều gì khác không?” tôi nói, trong đầu vẫn nghĩ về những chuyện buồn. “Bà có nhớ đứa con gái lần trước cháu kể với bà, cái đứa mặt lúc nào cũng cau có ấy? Amanda ấy? Em trai nó chết đuối hồi năm ngoái. Thằng bé mới chỉ năm tuổi, bằng tuổi Sweetie Pie Thomas.”

Gloria thôi không cười nữa. Bà gật đầu. “Ta có nhớ đã từng nghe về nó, về một đứa bé bị chết đuối.”

“Đó là lý do tại sao Amanda luôn cau có,” tôi nói. “Nó nhớ em trai nó.”

“Rất có thể,” bà Gloria đồng ý.

“Bà có nghĩ rằng tất cả mọi người đều nhớ một ai đó không? Như cháu nhớ mẹ vậy?”

“Ừm,” bà nhắm mắt lại. “Ta tin là, đôi khi, cả thế giới này đều có vết thương trong tim.”

Tôi không thể chịu đựng được khi nghĩ về những nỗi đau không thể cứu chữa thêm nữa, vì thế tôi nói, “Bà có muốn nghe tiếp truyện *Cuốn theo chiều gió* không?”

“A chắc chắn rồi,” bà Gloria nói. “Ta đã đợi cả ngày để biết quý cô Scarlett đang làm gì.”

Tôi mở cuốn *Cuốn theo chiều gió* và bắt đầu đọc, nhưng trong khi đọc tôi chỉ nghĩ đến Otis, lo lắng về chuyện ông sẽ không được phép chơi đàn ghi-ta cho người khác nghe. Tôi đang đọc đến đoạn Scarlett đang hết sức trông đợi được tham gia bữa tiệc nướng ngoài trời với âm nhạc và đồ ăn. Tự nhiên tôi nảy ra một ý tưởng.

“Đó chính là cái chúng ta cần phải làm,” tôi nói, đóng sầm quyển sách lại. Winn-Dixie nhồm đầy từ bên dưới ghế của bà Gloria, nhìn xung quanh lo lắng.

“Hả?” bà Gloria Dump ngạc nhiên.

“Tổ chức một bữa tiệc,” tôi nói với bà. “Chúng ta cần tổ chức một bữa tiệc và mời bà Franny Block, ngài mục sư, bác Otis, và bác Otis có thể chơi đàn ghi-ta cho tất cả chúng ta. Sweetie Pie cũng có thể đến. Nó thường chăm chú lắng nghe bác Otis chơi đàn.”

“Chúng ta là ai?” bà Gloria hỏi.

“Bà và cháu. Chúng ta có thể làm một ít đồ ăn và tổ chức một bữa tiệc ngay tại đây, trong khu vườn này.”

“Hừm.”

“Chúng ta có thể làm bánh xăng-uych bơ đậu phộng và cắt chúng thành từng miếng hình tam giác cho đẹp.”

“Chúa ơi,” bà Gloria nói, “ta không chắc rằng ai cũng thích bánh xăng-uych bơ đậu phộng giống như cháu, ta và con chó này đâu.”

“Chúng ta có thể làm cả bánh xăng-uych với xa lát trứng nữa. Người lớn rất thích món đó.”

“Cháu biết làm xa lát trứng sao?”

“Không ạ,” tôi nói. “Cháu không có mẹ để dạy cháu làm những việc như thế. Nhưng cháu cá là bà biết, và bà có thể dạy cho cháu. Đi mà bà.”

“Có thể,” bà Gloria Dump đặt tay lên đầu Winn-Dixie và mỉm cười với tôi. Tôi biết rằng mình vừa có câu trả lời *đồng ý*.

“Cháu cảm ơn bà,” tôi đứng dậy và ôm bà. Tôi siết chặt tay bà. Winn-Dixie vẫy đuôi và cố gắng chen vào giữa hai chúng tôi. Nó không chịu đựng được việc phải đứng ngoài trong bất cứ việc gì.

“Nó sẽ là bữa tiệc tuyệt vời nhất từ trước đến nay,” tôi nói với bà Gloria.

“Nhưng cháu phải hứa với ta một điều.”

“Được ạ.”

“Cháu phải mời cả những cậu bé nhà Dewberry nữa.”

“Dunlap và Stevie ư?”

“Hừm, sẽ không có bữa tiệc nào hết trừ khi cháu mời cả chúng nữa.”

“Bắt buộc sao ạ?”

“Đúng thế,” bà Gloria nói. “Cháu phải hứa với ta.”

“Cháu hứa,” tôi nói. Tôi không thích ý tưởng đó tí nào, nhưng tôi đã hứa.

Tôi bắt đầu đi mời mọi người ngay lập tức, và ngài mục sư là người đầu tiên.

“Cha?” tôi gọi.

“Opal?” ngài mục sư đáp lại.

“Cha ơi, con, Winn-Dixie và bà Gloria Dump sắp sửa tổ chức một bữa tiệc.”

“Chà,” ngài mục sư nói, “thú vị lắm. Con chơi vui vẻ nhé.”

“Cha, con đang nói với cha bởi vì cha cũng được mời.”

“Ồ,” ngài mục sư nói. Ông bóp nhẹ cái mũi. “Ta hiểu rồi.”

“Cha có thể đến chứ?” tôi hỏi ông.

“Ta không thấy lý do gì để từ chối cả,” ông thở dài.

Bà Franny Block thì đồng ý ngay lập tức. “Một bữa tiệc!” bà vỗ tay reo lên.

“Vâng, nó sẽ giống như bữa tiệc nướng ngoài trời ở Trang trại Mười hai cây sồi trong Cuốn theo chiều gió. Chỉ có điều là sẽ không đông người như thế, và đồ ăn sẽ là xăng-uyích xa lát trứng thay vì đồ nướng.”

“Nghe thú vị lắm,” bà Franny nói. Rồi bà chỉ về góc trong thư viện và thì thầm, “Có thể cháu sẽ cần mời cả Amanda nữa đấy.”

“Bạn ý có thể sẽ không muốn đến đâu ạ,” tôi nói. “Bạn ý không thích cháu cho lắm.”

“Cứ đến hỏi xem bạn ấy nói gì,” bà thì thầm.

Tôi đi vào góc trong thư viện và mời Amanda Winkilson đến dự bữa tiệc của tôi với giọng lịch sự nhất có thể. Nó nhìn quanh phòng băn khoăn và

căng thẳng.

“Một bữa tiệc?” nó hỏi lại.

“Đúng thế, và tớ sẽ rất vui nếu cậu có thể đến.”

Nó nhìn tôi chằm chằm với cái miệng há hốc. “Được thôi,” nó ngừng lại khoảng một phút. “Ý tớ là, được chứ. Cảm ơn, tớ sẽ đến.”

Và như đã hứa với bà Gloria, tôi đến mời hai đứa nhà Dewberry.

“Tao sẽ không đến bất cứ bữa tiệc nào ở nhà mù phù thủy đâu,” Stevie nói.

Dunlap huých Stevie bằng khuỷu tay. “Chúng tớ sẽ đến.”

“Không,” Stevie phản đối. “Mù phù thủy đó sẽ nấu chúng ta trong những cái vạc khổng lồ cũ kỹ.”

“Tao không quan tâm chúng mày có đến hay không,” tôi nói. “Tao mời chỉ bởi vì tao đã hứa như thế.”

“Chúng tớ sẽ đến,” Dunlap gật đầu với tôi và mỉm cười.

Sweetie Pie hết sức hào hứng khi tôi mời cô bé.

“Chủ đề là gì ạ?” cô bé hỏi.

“Ừm, nó không có chủ đề nào cả.”

“Chị phải nghĩ ra một chủ đề nào đó,” cô bé nói với tôi. Nó đút ngón tay vào miệng rồi lại rút ra. “Không có bữa tiệc nào mà lại không có chủ đề cả. Con chó này có đến không?” Nó vòng tay ôm lấy Winn-Dixie và siết chặt đến nỗi suýt làm cho mắt của Winn-Dixie lồi ra ngoài.

“Có chứ.”

“Tuyệt,” cô bé nói. “Chị có thể tạo ra một chủ đề. Đó sẽ là một bữa tiệc về chó.”

“Chị sẽ suy nghĩ về điều đó.”

Người cuối cùng tôi mời là bác Otis. Tôi kể với ông tất cả về bữa tiệc và rằng ông cũng được mời, nhưng ông nói, “Không, cảm ơn.”

“Sao lại không ạ?”

“Ta không thích các bữa tiệc.”

“Làm ơn đi bác,” tôi năn nỉ. “Sẽ không có bữa tiệc nào cả nếu bác không đến. Cháu sẽ khuyến mại cho bác cả một tuần quét dọn và phủ bụi miễn phí nếu bác chịu đến dự tiệc.”

“Một tuần miễn phí cơ à?” Bác Otis ngẩng lên nhìn tôi.

“Vâng ạ,” tôi trả lời.

“Nhưng ta sẽ không phải nói chuyện với mọi người, đúng không?”

“Vâng ạ, bác không phải làm như thế. Nhưng bác nhớ mang đàn đi nhé. Bác có thể chơi đàn cho mọi người nghe.”

“Có thể,” bác Otis liếc nhanh xuống đôi giày của mình, cố gắng giấu một nụ cười.

“Cảm ơn bác,” tôi nói. “Cảm ơn bác vì đã đồng ý đến dự.”

Chương 21

Sau khi mời được bác Otis, phần còn lại của việc chuẩn bị cho bữa tiệc rất đơn giản và thú vị. Tôi và bà Gloria quyết định tổ chức bữa tiệc vào buổi tối, khi trời mát. Trong buổi chiều trước đó, chúng tôi ở trong bếp của bà Gloria và làm bánh xăng-uych xa lát trứng. Chúng tôi cắt bánh thành những miếng hình tam giác, loại bỏ phần vỏ bánh rồi cắm những que tăm gắn hoa giấy xếp lên. Winn-Dixie ngồi trong bếp theo dõi chúng tôi suốt thời gian chúng tôi nấu nướng, vẫy đuôi rối rít.

“Con chó này nghĩ rằng chúng ta đang làm bánh xăng-uych cho nó đấy,” bà Gloria Dump nói.

Winn-Dixie toét miệng cười với bà Gloria.

“Không phải cho mày đâu,” tôi nói với nó.

Nhưng khi nghĩ tôi không để ý, bà ném cho Winn-Dixie một miếng xăng-uych, không có tăm.

Chúng tôi còn làm cả rượu pân nữa. Trộn nước cam, nước bưởi và soda lại trong một cái tô lớn, bà Gloria gọi đó là rượu pân. Bà khoe bà nổi tiếng khắp thế giới về món này, nhưng tôi chưa nghe về điều đó bao giờ cả.

Công việc cuối cùng của chúng tôi là trang hoàng khu vườn. Tôi treo giấy kẻ màu vàng, màu cam, màu hồng lên để trang trí cây cối thật lộng lẫy. Chúng tôi đổ đầy cát vào những cái túi giấy rồi cắm nển trong đó. Và ngay trước khi bữa tiệc bắt đầu, tôi đi xung quanh đốt tất cả những cây nển đó lên, biến khu vườn của bà “phù thủy” Gloria thành một khu vườn cổ tích.

“Ôi,” bà Gloria nói, nhìn xung quanh. “Ngay cả người mắt kém cũng có thể thấy rằng mọi thứ tuyệt đẹp.”

Đúng là mọi thứ nhìn rất đẹp, đẹp đến nỗi khiến tim tôi đập rộn ràng, căng ra và tràn đầy hạnh phúc. Tôi ước mong vô vọng rằng tôi biết mẹ đang ở đâu để có thể mời mẹ đến tham gia bữa tiệc này.

Bà Franny Block là người đầu tiên đến. Bà mặc cái váy màu xanh lá cây xinh xắn lấp lánh. Bà đi một đôi giày cao gót khiến bà nghiêng bên này ngã bên kia mỗi khi bước đi. Ngay cả khi đứng yên, trông bà vẫn lắc lư, như thể đang đứng ở trên tàu vậy. Bà mang theo một bát thủy tinh đầy những kẹo Littmus Lozeng. “Ta có mang theo một ít đồ tráng miệng sau bữa tối,” bà đưa cái tô cho tôi.

“Cháu cảm ơn,” tôi nói, đặt cái tô lên bàn cạnh bánh xăng-uých xa lát trứng và rượu pân. Sau đó tôi giới thiệu bà Franny với bà Gloria, hai người bắt tay và chào hỏi lịch sự.

Sau đó mẹ Sweetie Pie bước vào cùng cô bé tay ôm đầy ảnh về chó cắt ra từ tạp chí. “Những bức ảnh này là để giúp chị làm chủ đề,” nó nói. “Chị có thể dùng chúng mà trang trí. Em có mang theo cả băng keo đấy.” Và nó bắt đầu đi xung quanh gắn những bức ảnh về chó của mình lên cây, lên bàn và lên ghế.

“Suốt ngày con bé không nói về thứ gì khác ngoài bữa tiệc,” mẹ cô bé nói. “Cháu có thể đưa em về sau bữa tiệc được không?”

Tôi hứa sẽ đưa cô bé về, sau đó giới thiệu Sweetie Pie với bà Gloria và bà Franny, và ngay lúc đó ngài mục sư đến. Ông mặc áo choàng ngoài, thắt cà vạt trông rất trịnh trọng. Ông bắt tay bà Gloria Dump và bà Franny Block, nói rằng ông rất vinh dự được gặp cả hai người và rằng ông đã nghe toàn điều tốt đẹp về cả hai người. Ông xoa đầu Sweetie Pie, nói rằng rất vui được gặp nó ở nhà thờ. Trong suốt thời gian đó, Winn-Dixie đứng giữa tất cả mọi người, vẫy đuôi mạnh đến nỗi tôi chắc rằng nó có thể hất bà Franny ngã khỏi đôi giày cao gót của mình.

Amanda Wilkinson đến. Mái tóc vàng hoe của nó được uốn cong lên, trông nó e lệ chứ không “hắc ám” như thường ngày. Tôi đứng thật sát cạnh Amanda và giới thiệu nó với bà Gloria Dump. Tôi ngạc nhiên khi thấy mình vui đến thế khi gặp Amanda. Tôi muốn nói với nó rằng tôi biết về Carson, và tôi hiểu thế nào là mất đi người mình yêu quý, nhưng tôi đã không nói gì cả. Tôi cư xử hết sức lịch sự.

Chúng tôi đang đứng vòng quanh mỉm cười với nhau thoáng chút lúng túng, thì chợt một giọng the thé rít lên, “Gertrude là một con chim xinh đẹp.”

Tai của Winn-Dixie lập tức dựng đứng, nó sủa lên một tiếng và nhìn xung quanh. Tôi cũng nhìn quanh, nhưng không hề thấy Gertrude, hay bác Otis.

“Cháu sẽ quay vào ngay,” tôi nói và cùng Winn-Dixie chạy ra phía trước nhà. Đứng ngay bên lề đường là bác Otis với cây đàn ghi-ta trên lưng, Gertrude trên vai, ông ôm một lọ dưa chuột muối lớn nhất từ trước đến nay tôi từng thấy.

“Bác Otis,” tôi gọi, “quay lại đây, bữa tiệc ở trong này.”

“Ồ,” ông nói nhưng không động đậy. Ông chỉ đứng đó, ôm chặt lọ dưa chuột muối.

“Chó,” Gertrude rít lên, bay khỏi vai Otis và đậu lên đầu Winn-Dixie.

“Không sao đâu bác,” tôi nói. “Chỉ có một vài người thôi ạ, rất ít người.”

“Ồ,” bác Otis lại ồ lên một lần nữa. Ông nhìn quanh như thể mình bị đi lạc vậy. Rồi ông giơ lọ dưa chuột muối lên, “Ta có mang theo cả dưa chuột muối này.”

“Cháu nhìn thấy rồi,” tôi nói. “Đó chính xác là những gì chúng ta cần, hoàn hảo cho bánh xăng-uých xa lát trứng.” Tôi nói với ông hết sức nhẹ

nhàng, lịch sự và chậm rãi, như thể ông là một loài thú hoang dã và tôi đang cố gắng lấy đồ ăn ra khỏi tay ông vậy.

Ông khẽ dịch lên phía trước một bước.

“Đi thôi bác,” tôi thì thầm, bắt đầu bước và Winn-Dixie đi theo tôi. Khi quay lại, tôi thấy bác Otis cũng đang đi theo mình.

Chương 22

Bác Otis đi theo tôi vào vườn sau, nơi bữa tiệc được tổ chức. Trước khi ông có thể chạy mất, tôi giới thiệu ông với ngài mục sư.

“Cha,” tôi nói, “đây là bác Otis, một trong những người quản lý tiệm thú cưng của Gertrude. Bác cũng là người chơi ghi-ta rất giỏi.”

“Chào anh,” ngài mục sư nói, đưa tay ra với bác Otis. Bác Otis đứng đó, chuyển lọ dưa chuột muối hết bên này sang bên kia để rảnh tay bắt tay với ngài mục sư. Cuối cùng, ông đành cúi xuống đặt lọ dưa chuột muối xuống đất. Nhưng khi ông làm thế, cây đàn ghi-ta trượt lên phía trước đập vào đầu ông kêu boong một tiếng. Sweetie Pie cười phá lên và chỉ vào ông như thể ông cố tình làm thế để chọc cho nó cười vậy.

“Á,” Otis kêu lên. Ông nhồm dậy, bỏ cây đàn xuống bên cạnh lọ dưa chuột muối, chùi tay vào quần rồi đưa tay ra với ngài mục sư. Ngài mục sư nắm lấy tay ông nói, “Thật vinh dự được bắt tay anh.”

“Cảm ơn anh,” Otis nói. “Tôi có mang theo dưa chuột muối.”

“Tôi thấy rồi,” ngài mục sư trả lời.

Sau khi hai người bắt tay xong, tôi giới thiệu Otis với bà Franny Block và Amanda, rồi sau đó là bà Gloria Dump. Bà Gloria bắt tay bác Otis và mỉm cười với ông. Bác Otis nhìn thẳng vào mắt bà và mỉm cười lại. Ông cười rất tươi.

“Tôi có mang dưa chuột muối đến cho bữa tiệc của bà,” Otis nói với bà Gloria.

“Ta rất vui. Không có bữa tiệc nào mà lại không có dưa chuột muối cả.”

Otis cúi nhìn lọ dưa chuột muối của mình, mặt bở bưng.

“Opal,” bà Gloria gọi, “khi nào thì các cậu bé sẽ đến đây?”

“Cháu không biết,” tôi nhún vai. “Cháu đã nói với chúng giờ chúng ta bắt đầu rồi ạ.” Tôi không nói với bà rằng rất có thể chúng không đến, bởi chúng sợ phải đến một bữa tiệc ở nhà mụ phù thủy.

“Chà,” bà nói. “Chúng ta có bánh xăng-uych xa lát trứng, có rượu pân của bà Dump, có dưa chuột muối, có ảnh chó và cả kẹo Littmus Lozenge nữa. Chúng ta lại có cả một mục sư, người sẽ chúc phúc cho bữa tiệc này.”

Bà Gloria Dump quay sang nhìn ngài mục sư. Ông gật đầu với bà Gloria, hăng giọng và bắt đầu nói: “Lạy Chúa, cảm ơn Ngài vì đã sưởi ấm những đêm hè, vì ánh sáng của nến và vì những món ăn ngon. Nhưng trên tất cả, cảm ơn Ngài vì những người bạn. Chúng con trân trọng những món quà kỳ diệu và tuyệt vời ngài ban cho mỗi chúng con. Và chúng con trân trọng những việc ngài giao phó cho chúng con, yêu thương lẫn nhau như Ngài đã yêu thương. Chúng con cầu nguyện nhân danh Chúa, Amen.”

“Amen,” bà Gloria nói.

“Amen,” tôi thì thầm.

“Gertrude,” Gertrude hét lên.

“Chúng ta chuẩn bị ăn được chưa?” Sweetie Pie hỏi.

“Suyt,” Amanda thì thầm.

Winn-Dixie hắt hơi một cái.

Từ xa vang lên một tiếng sấm. Ban đầu tôi nghĩ âm thanh đó phát ra từ bụng của Winn-Dixie.

“Hôm nay lẽ ra không mưa cơ mà nhỉ,” bà Gloria Dump nói. “Dự báo thời tiết đâu có báo hôm nay sẽ mưa.”

“Cái váy này bằng lụa,” bà Franny Block nói. “Ta không thể để nó ướt được.”

“Có lẽ chúng ta nên chuyển vào trong,” Amanda gợi ý.

Ngài mục sư nhìn lên bầu trời. Và ngay lúc đó, mưa ập xuống.

Chương 23

“Cứu lấy bánh xăng-uych,” bà Gloria hét lên với tôi. “Cứu lấy rượu pân.”

“Cháu giữ được những bức ảnh chó rồi,” Sweetie Pie kêu lên. Nó chạy xung quanh, gỡ chúng xuống khỏi cây cối và mấy cái ghế. “Mọi người đừng lo, cháu lấy được chúng rồi.”

Tôi chộp lấy đĩa xăng-uych xa lát trứng, ngài mục sư chộp lấy rượu pân và chúng tôi chạy vào trong bếp. Khi chạy trở ra, tôi thấy Amanda đang đỡ bà Franny Block và dìu bà vào trong nhà. Đôi giày cao gót của bà Franny bấp bênh đến nỗi rất có thể bà đã bị cơn mưa xô ngã nếu như Amanda không ở đó đỡ bà.

Tôi đỡ lấy cánh tay bà Gloria Dump.

“Ta vẫn ổn,” bà nói trong khi bám lấy tay tôi và dựa vào đó thật chặt.

Tôi nhìn xung quanh vườn trước khi rời đi. Tất cả giấy kếp đã tan chảy, nền cũng đã tắt hết, và rồi tôi thấy Otis.

“Bác Otis,” tôi hét về phía ông. “Lại đây nào, chúng ta phải chuyển vào trong.”

Khi chúng tôi vào đến trong bếp, Amanda và bà Franny đang vừa giữ người cho khô vừa cười khanh khách.

“Mưa như trút nước vậy,” bà Franny nói. “Không có dấu hiệu báo trước gì cả.”

“Nó tự nhiên từ trên trời rơi xuống,” ngài mục sư nói.

“Ồi chà,” bà Gloria nói.

“Chó,” Gertrude gào lên. Tôi nhìn nó. Nó đang đậu trên bàn. Sấm chớp vẫn đang nổ ðùng ðoàng.

“Ôi không,” tôi kêu lên, nhìn xung quanh bếp.

“Chị ðừng lo,” Sweetie Pie nói. “Em ðã cứu tất cả những bức ảnh chó. Em giữ nó ở ngay ðây.” Nó vẫy ðồng giấy báo về phía tôi.

“Winn-Dixie ðâu rồi?” tôi hét lên. “Cháu quên mất nó rồi, cháu chỉ nghĩ ðến bữa tiệc mà quên mất nó. Cháu quên mất không bảo vệ nó khỏi những tiếng sấm.”

“Nào, Opal,” ngài mục sư nói. “Rất có thể nó ðang ở ngoài vườn và trốn ðưới cái ghế nào ðó. ði nào, ta và con sẽ ra ðó tìm xem.”

“Đợi chút,” bà Gloria nói, “để ta tìm cho hai bố con cái ðèn pin với mấy cái ô.”

Nhưng tôi không muốn ðợi. Tôi chạy thẳng ra vườn. Tôi cúi xuống nhìn bên ðưới mọi cái ghế. Tôi tìm xung quanh tất cả các bụi cây. Tôi hét gọi tên nó thật to, cảm giác như muốn khóc. Lỗi tại tôi. Đáng lẽ tôi phải ôm nó thật chặt, nhưng tôi lại quên mất.

“Opal,” tôi nghe tiếng ngài mục sư gọi.

Tôi nhìn lên. Ông ðang ðứng ở hành lang với bà Gloria, có cả Dunlap và Stevie cũng ở ðó nữa.

“Khách của con ðến rồi này,” ngài mục sư nói.

“Con không quan tâm,” tôi gào lên.

“Cháu lại ðây nào,” bà Gloria nói với giọng hết sức nghiêm khắc. Bà chiếu ðèn về phía tôi.

Tôi bước lên hành lang và bà đưa tôi cái đèn pin. “Chào mấy cậu bé này đi,” bà nói. “Nói với các bạn ấy rằng cháu rất vui khi thấy các bạn đến và cháu sẽ quay trở lại ngay khi tìm thấy con chó.”

“Chào,” tôi nói. “Cảm ơn vì đã đến. Tôi phải đi tìm Winn-Dixie rồi tôi sẽ quay trở lại ngay.”

Stevie há hốc miệng nhìn tôi chăm chăm.

“Cậu có cần tôi giúp không?” Dunlap hỏi.

Tôi lắc đầu, cố gắng không khóc.

“Lại đây nào, cháu bé,” bà Gloria kéo tôi lại thật gần và thì thầm vào tai tôi. “Ta không thể giữ ai đó khi họ muốn rời đi, hiểu không cháu bé? Ta chỉ có thể yêu quý những gì ta có khi ta còn thực sự có nó.”

Bà siết chặt lấy tôi.

“Giờ thì, chúc may mắn,” bà nói với theo khi tôi và ngài mục sư bước ra khỏi hành lang đi vào trong cơn mưa.

“Chúc may mắn,” bà Franny cũng nói vọng ra từ trong bếp.

“Con chó không đi lạc được đâu,” tôi nghe tiếng Sweetie Pie hét lên. “Con chó đó quá thông minh để có thể bị lạc.”

Tôi quay người nhìn lại, và thứ cuối cùng tôi thấy là ánh đèn hành lang chiếu trên cái đầu trọc lóc của Dunlap Dewberry. Tự nhiên tôi thấy buồn, nó đứng trên hành lang của bà Gloria, và cái đầu trọc của nó tỏa sáng. Dunlap thấy tôi nhìn nó liền đưa tay lên vẫy. Nhưng tôi không vẫy lại.

Chương 24

Tôi và ngài mục sư bắt đầu vừa đi vừa gọi Winn-Dixie. Tôi thấy may vì lúc đó trời mưa to, bởi cơn mưa khiến tôi khóc dễ dàng hơn. Tôi khóc, khóc, khóc mãi và luôn miệng gọi tên Winn-Dixie.

“Winn-Dixie,” tôi gào lên.

“Winn-Dixie,” ngài mục sư cũng hét lên. Và rồi ông huýt sáo một hơi to và dài. Nhưng Winn-Dixie vẫn không xuất hiện.

Chúng tôi đi bộ vòng quanh trung tâm thị trấn, ngang qua nhà Dewberry, qua Thư viện Tưởng niệm Herman W. Block, qua ngôi nhà màu vàng của Sweetie Pie và qua tiệm thú cưng của Gertrude. Chúng tôi đi qua bãi đỗ xe moóc Góc Thân thiện và tìm kiếm dưới gầm xe moóc nhà mình. Chúng tôi cũng đi bộ lên tận Nhà thờ Báp-tít Cánh tay Rộng mở của Naomi. Chúng tôi vượt qua đường ray xe lửa và đi thẳng xuống đường cao tốc số 50. Ô tô chạy vượt qua chúng tôi và đèn ở đuôi xe đỏ lù như những con mắt nhìn chăm chăm vào chúng tôi vậy.

“Cha,” tôi nói. “Lỡ như nó bị xe cán thì sao?”

“Opal à,” ngài mục sư nói. “Chúng ta không thể lo lắng về những chuyện có thể đã xảy ra. Tất cả những gì chúng ta có thể làm là tiếp tục tìm kiếm.”

Chúng tôi cứ bước đi và bước đi. Tôi bắt đầu liệt kê trong đầu mười thứ tôi biết về Winn-Dixie, những điều tôi có thể viết lên những tấm áp phích cũ và treo khắp thị trấn, những thứ có thể giúp người khác tìm ra nó.

Một là nó mắc chứng sợ hãi bệnh lý đối với đồng bão.

Hai là nó thích cười, nhe cả hàm răng của mình ra.

Ba là nó có thể chạy rất nhanh.

Bốn là nó ngáy.

Năm là nó có thể bắt chuột mà không nghiền chết con chuột đó.

Sáu là nó thích gặp gỡ mọi người.

Bảy là nó thích bơ đậu phộng.

Tám là nó không chịu đựng được việc phải ở một mình.

Chín là nó thích ngồi trên đi văng và ngủ ở trên giường.

Mười là nó không ngại đi lễ Nhà thờ.

Tôi đọc đi đọc lại danh sách đó trong đầu để ghi nhớ nó như cách mà tôi đã ghi nhớ mười điều về mẹ. Tôi học thuộc lòng để nếu như chẳng may không tìm thấy Winn-Dixie, tôi vẫn còn một phần của nó để mà níu giữ. Rồi đột nhiên, tôi có một ý nghĩ tôi chưa từng nghĩ trước đó, rằng danh sách những điều như thế chẳng thể giúp người ta thấy được một Winn-Dixie thực sự, cũng như mười điều tôi biết về mẹ chẳng thể giúp tôi thực sự biết mẹ. Ý nghĩ về điều này càng khiến tôi khóc nhiều hơn nữa.

Tôi và ngài mục sư tìm kiếm một lúc lâu; và cuối cùng, ông đành bỏ cuộc.

“Nhưng cha ơi,” tôi nói, “Winn-Dixie đang ở đâu đó ngoài kia. Chúng ta không thể bỏ nó lại được.”

“Opal,” ngài mục sư nói. “Chúng ta đã tìm kiếm và tìm kiếm mãi, và chúng ta chỉ có thể tìm kiếm được đến thế thôi.”

“Con không thể tin là cha sắp sửa bỏ cuộc,” tôi hét lên với cha.

“India Opal,” ngài mục sư nói, xoa xoa cái mũi, “đừng tranh luận với ta.”

Tôi đứng đó nhìn chăm chăm vào ông. Cơn mưa đã ngớt nhiều, giờ chỉ còn mưa lâm phù.

“Chúng ta phải quay về thôi,” ngài mục sư nói.

“Không,” tôi nói. “Cha về cứ về đi, con sẽ tiếp tục tìm.”

“Opal này,” ngài mục sư nói hết sức nhẹ nhàng, “đây là lúc con phải từ bỏ.”

“Cha luôn luôn từ bỏ!” tôi gào lên. “Cha lúc nào cũng ẩn mình vào trong cái mai rùa cũ kỹ ngu ngốc của cha. Con chắc chắn là cha cũng chẳng thèm đi tìm khi mẹ bỏ đi. Chắc chắn là cha cũng đã để cho mẹ ra đi như thế.”

“Con yêu,” ngài mục sư nói. “Ta đã không thể ngăn được mẹ con. Ta đã cố. Chẳng lẽ con không nghĩ rằng ta cũng muốn mẹ con ở lại lắm sao? Chẳng lẽ con không nghĩ rằng ngày nào ta cũng nhớ mẹ con sao?” Ông dang rộng hai tay rồi để chúng rơi thông xuống. “Ta đã cố,” ông nói. “Ta đã cố.” Và rồi ông làm một việc tôi không thể nào tin được.

Ông bắt đầu khóc. Ngài mục sư khóc. Đôi vai ông rung lên khe khẽ. Ông cất lên những âm thanh giận dữ, “Và chẳng lẽ con không tin rằng để mất Winn-Dixie cũng khiến ta đau khổ không kém gì con sao? Ta yêu con chó đó. Ta cũng yêu nó như con vậy.”

“Cha,” tôi bước đến vòng tay qua bụng ông. Ông khóc lớn đến mức toàn thân ông run rẩy. “Ổn rồi cha,” tôi nói. “Ổn rồi cha, nín đi nào.” Tôi an ủi ông như thể ông là một đứa trẻ đang trong cơn sợ hãi. “Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi.”

Chúng tôi đứng đó ôm chặt lấy nhau và khẽ đu người qua lại, được một lúc thì ngài mục sư thôi không run rẩy nữa. Tôi vẫn ôm chặt lấy ông, và lấy hết can đảm để hỏi một câu mà tôi luôn muốn hỏi.

“Cha có nghĩ rằng một ngày nào đó mẹ sẽ quay trở lại không?” tôi thì thầm.

“Không,” ngài mục sư nói. “Không, ta không nghĩ thế. Ta đã hy vọng và cầu nguyện bao nhiêu năm trời. Nhưng ta không nghĩ là mẹ con sẽ quay trở lại.”

“Bà Gloria nói là chúng ta không thể níu kéo bất cứ thứ gì. Rằng chúng ta chỉ có thể yêu quý những gì chúng ta có khi chúng ta còn thực sự có nó.”

“Bà ấy nói đúng,” ngài mục sư nói. “Bà Gloria Dump nói đúng.”

“Con chưa sẵn sàng để mất Winn-Dixie,” tôi nói. Trong một phút tôi đã quên Winn-Dixie, đó là khi tôi nghĩ về mẹ.

“Chúng ta sẽ vẫn tiếp tục tìm kiếm, hai chúng ta sẽ tiếp tục tìm kiếm Winn-Dixie. Nhưng con biết gì không? Ta vừa mới nhận ra một điều, India Opal ạ. Khi ta kể với con rằng mẹ lấy đi tất cả, ta quên mất một thứ, một thứ vô cùng quan trọng mà mẹ con để lại.”

“Là gì ạ?” tôi hỏi.

“Là con,” ông nói. “Cảm ơn Chúa vì mẹ đã để lại con cho ta.” Và ông ôm tôi còn chặt hơn nữa.

“Con mừng vì có cha ở bên,” tôi cũng đáp lại, hoàn toàn thật lòng. Tôi nắm lấy tay ông và hai chúng tôi bắt đầu quay trở lại thị trấn, vừa đi vừa huýt gió và gọi tên Winn-Dixie trên suốt đường về.

Chương 25

Chưa về tới nơi chúng tôi đã nghe thấy tiếng nhạc phát ra từ nhà bà Gloria Dump. Chúng tôi nghe thấy tiếng nhạc từ cách đó cả dãy phố. Đó là tiếng đàn ghi-ta, tiếng hát hò và vỗ tay đan lẫn vào nhau.

“Ta tự hỏi không biết chuyện gì đang diễn ra?” cha tôi nói.

Chúng tôi đi lên vỉa hè nhà bà Gloria rồi vòng ra phía sau xuyên qua khu vườn đi vào trong bếp. Và những gì chúng tôi thấy là Otis đang chơi đàn ghi-ta, bà Franny và Gloria ngồi đó hát hò vui vẻ, còn Sweetie Pie thì ở trong lòng bà Gloria. Amanda, Dunlap và Stevie cũng đang ngồi trên sàn nhà, vỗ tay và có vẻ như đang trong tâm trạng vui vẻ nhất. Thậm chí cả Amanda cũng đang cười. Tôi không thể tin rằng họ lại có thể vui vẻ như thế khi Winn-Dixie mất tích.

“Cha con cháu không thể tìm thấy nó,” tôi gào lên với họ.

Tiếng nhạc ngưng lại và Gloria quay sang nhìn tôi, “Cháu à, ta biết là cháu không thể tìm thấy nó. Hai người không thể tìm thấy nó bởi nó vẫn ở đây từ đầu tới giờ.”

Bà với lấy cây gậy gõ vào cái gì đó bên dưới ghế của mình. “Ra đây nào,” bà nói.

Một tiếng khịt mũi rồi thở dài vang lên.

“Nó đang ngủ,” bà nói. “Nó hoàn toàn kiệt sức.”

Bà cầm gậy gõ xung quanh một lần nữa. Lần này Winn-Dixie xuất hiện từ bên dưới cái ghế. Nó đứng dậy ngáp.

“Winn-Dixie!” tôi la lên.

“Chó,” Gertrude kêu lên quang quác.

Winn-Dixie vẫy đuôi, toét miệng khoe với tôi cả hàm răng và rồi hắt hơi. Tôi chạy qua tất cả mọi người, buông mình xuống sàn nhà và vòng tay ôm chặt nó.

“Mày đã ở đâu vậy?” tôi hỏi nó.

Nó lại ngáp một lần nữa.

“Chuyện là thế này,” bà Franny lên tiếng. “Gloria, sao bà không kể cho cô bé nghe?”

“Chà,” bà Gloria nói. “Chúng ta đang ngồi đó đợi hai cha con quay trở về. Sau khi thuyết phục mấy cậu bé nhà Dewberry rằng ta không phải là một mù phù thủy độc ác với đầy những thần chú và độc dược...”

“Bà ý không phải là phù thủy,” Stevie chen ngang. Nó lắc lắc cái đầu đầy vẻ thất vọng.

“Không phải,” Dunlap nói. “Bà không phải phù thủy. Nếu là phù thủy, bà đã biến chúng ta thành bánh mì nướng từ lâu rồi.” Nó cười toét miệng.

“Tớ có thể nói với mọi người rằng bà không phải phù thủy. Phù thủy không tồn tại,” Amanda nói. “Họ chỉ có trong truyền thuyết thôi.”

“Được rồi,” bà Gloria tiếp tục. “Chuyện xảy ra là sau khi chúng ta kết thúc mấy chuyện phù thủy đó, bà Franny gợi ý rằng tại sao chúng ta không nghe một chút nhạc trong khi chờ đợi hai cha con cháu trở về. Và thế là Otis bắt đầu chơi đàn ghi-ta. Ối chà, không có một bài hát nào anh ta không biết. Và nếu anh ta không biết, anh ta vẫn có thể chơi nó ngay lập tức khi cháu bắt đầu ậm ừ giai điệu. Anh ta quả thật là một thiên tài.”

Bà Gloria ngừng lại, mỉm cười với Otis và Otis cũng mỉm cười lại. Trông ông như thể được thắp sáng từ bên trong vậy.

“Bà kể lại chuyện đã xảy ra đi,” Sweetie Pie nói. “Bà kể chuyện về con chó đi.”

“Thế là,” bà Gloria nói, “ta và bà Franny bắt đầu nhớ lại tất cả những bài hát chúng ta biết từ thời con gái. Chúng ta bảo Otis chơi những bản nhạc đó và bắt đầu hát, dạy lời cho lũ trẻ.”

“Và rồi có ai đó hắt hơi,” Sweetie Pie la lên cắt ngang.

“Đúng rồi,” bà Gloria nói. “Ai đó hắt hơi mà rõ ràng không phải là một trong số chúng ta, thế nên chúng ta nhìn quanh, nghĩ rằng rất có thể chúng ta đang bị một tên kẻ trộm viếng thăm. Mọi người tìm quanh nhưng vẫn không thấy gì, thế là chúng ta lại tiếp tục hát. Và rồi lại có một tiếng hắt xì lớn vang lên, nghe có vẻ như phát ra từ phía phòng ngủ của ta. Thế là ta bảo Otis đi vào đó thử xem. Ta nói, “Otis, hãy vào trong đó xem ai đang hắt hơi.” Thế là Otis đi vào. Cháu có biết bác ấy tìm thấy cái gì không?”

Tôi lắc đầu.

“Winn-Dixie!” Sweetie Pie lại hét lên.

“Con chó của cháu đã nấp dưới gầm giường suốt cả buổi tối, co rúm lại như thể đây là ngày tận thế vậy. Nhưng nó vẫn mỉm cười như một tên ngốc bất cứ khi nào nghe Otis chơi nhạc, cười tươi đến nỗi hắt hơi.”

Cha tôi phá lên cười.

“Thật đấy,” bà Franny nói.

“Đó là sự thật,” Stevie cũng chêm vào.

Dunlap gật đầu và cười với tôi.

“Vì thế,” bà Gloria nói, “Otis chơi nhạc cho con chó nghe, và rồi từ từ, nó chui ra khỏi gầm giường.”

“Người nó phủ đầy bụi,” Amanda nói.

“Nhìn nó giống hệt con ma ấy,” đến lượt Dunlap.

“Ừa,” Sweet Pie la lên, “giống hệt một con ma vậy.”

“Hừm,” bà Gloria nói. “nhìn nó như một con ma. Cuối cùng thì sau một lát mưa cũng ngưng, và con chó của cháu cũng yên ổn nằm dưới ghế của ta. Nó bắt đầu ngủ. Nó ở đây từ đó tới giờ, chờ cháu quay trở lại.”

“Winn-Dixie à,” tôi gọi, ôm nó chặt đến nỗi nghe tiếng nó thở khò khè. “Chúng tao đã ở ngoài tìm kiếm, huyết sáo gọi mày còn mày thì lại ở ngay đây. Cháu cảm ơn tất cả mọi người,” tôi nói với mọi người ở đó.

“Chà,” bà Gloria nói. “Thực ra chúng ta chẳng làm gì cả. Chúng ta chỉ ngồi đây chờ đợi và hát vài bài thôi. Chúng ta đã trở thành bạn tốt của nhau. Bây giờ, rượu pân chẳng còn gì ngoài nước và bánh xăng-uých xa lát trứng cũng bị mưa làm cho nát hết. Cháu phải ăn bằng thìa nếu vẫn muốn một ít xa lát trứng. Nhưng chúng ta vẫn còn dưa chuột muối, cả kẹo Littmus Lozenge nữa, và bữa tiệc vẫn tiếp tục.”

Cha tôi kéo một chiếc ghế trong bếp và ngồi xuống.

“Otis,” ông nói, “anh có biết bài Thánh ca nào không?”

“Tôi biết một vài bài,” bác Otis trả lời.

“Cha cứ ậm ừ giai điệu là anh ta có thể chơi được rồi,” bà Franny gật đầu.

Cha tôi bắt đầu ậm ừ và Otis cũng bắt đầu đánh lại trên cây đàn ghi-ta của mình. Winn-Dixie vẫy đuôi rồi lại chui xuống bên dưới gầm ghế của bà Gloria. Tôi nhìn xung quanh, nhìn vào những gương mặt khác nhau, và tôi thấy tim mình như nở ra với niềm hạnh phúc thuần khiết.

“Cháu sẽ quay trở lại ngay,” tôi nói.

Nhưng mọi người đều đang mãi hát và cười đùa, còn Winn-Dixie thì đang ngáy, nên không ai để ý đến tôi cả.

Chương 26

Bên ngoài trời đã tạnh mưa và mây cũng đã tan biến khiến bầu trời trở nên quang đãng đến mức tôi nhìn thấy tất cả những vì sao trên trời. Tôi đi ra phía sau khu vườn của bà Gloria Dump. Tôi đến đó nhìn lên cây sai trái của bà. Những cái chai đứng im ở đó; trời lặng gió, nên chúng chỉ treo ở đấy im lặng. Tôi ngược nhìn lên cây rồi nhìn lên bầu trời.

“Mẹ,” tôi gọi như thể bà đang đứng ngay bên cạnh tôi vậy, “con biết mười điều về mẹ, nhưng bằng ấy là chưa đủ, còn lâu mới đủ. Nhưng cha sắp sửa kể thêm cho con nghe; con biết là cha sẽ kể, bởi bây giờ cha biết là mẹ sẽ không quay trở lại. Cha nhớ mẹ và con cũng nhớ mẹ, nhưng trái tim con không còn cảm thấy trống trải nữa mà đang tràn đầy. Con sẽ vẫn nghĩ về mẹ, con hứa đấy. Nhưng rất có thể sẽ không nhiều như trong suốt mùa hè này.”

Đó là những gì tôi đã nói dưới tán cây sai trái của bà Gloria Dump. Sau khi nói xong, tôi đứng yên ngược nhìn lên bầu trời, nhìn những chòm sao và các vì tinh tú. Chợt tôi nhớ đến cái cây của tôi, cái cây bà Gloria đã giúp tôi trồng. Tôi không nhìn đến nó cũng từ khá lâu rồi. Tôi bò xung quanh để tìm nó. Và khi tìm thấy, tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy nó đã lớn thế nào. Nó vẫn còn nhỏ lắm, trông nó vẫn giống một cây thân mềm hơn là một thân gỗ, nhưng những cái lá và cành cây đã trở nên khỏe mạnh và tươi tốt hơn rất nhiều. Tôi đang quỳ ở đó thì nghe tiếng ai đó nói, “Cậu đang cầu nguyện à?”

Tôi nhìn lên, đó là Dunlap.

“Không,” tôi nói. “Tôi không cầu nguyện. Tôi đang suy nghĩ.”

Nó khoanh tay và nhìn xuống tôi. “Về cái gì cơ?” nó hỏi.

“Tất cả mọi thứ,” tôi nói. “Tớ xin lỗi vì đã gọi cậu và Stevie là đồ con nít trọc đầu.”

“Được rồi. Bà Gloria bảo tớ ra đây tìm và đưa cậu về.”

“Tớ đã nói bà ấy không phải là phù thủy.”

“Tớ biết,” nó trả lời. “Tớ biết điều đó ngay từ đầu. Tớ chỉ trêu tức cậu thôi.”

“Ồ,” tôi nhìn nó thật gần. Thật khó để nhìn rõ ai đó trong vườn cây tối như thế này.

“Cậu không định đứng dậy à?” nó hỏi.

“Có chứ.”

Và rồi Dunlap khiến tôi không khỏi ngạc nhiên. Nó làm một việc mà cả triệu năm nữa tôi cũng không bao giờ nghĩ một đứa trẻ nhà Dewberry sẽ làm. Nó đưa tay ra đỡ tôi dậy. Và tôi nắm lấy nó, chấp nhận sự giúp đỡ.

“Chúng ta sẽ thi xem ai chạy về nhà trước,” Dunlap nói, và bắt đầu chạy.

“Được,” tôi hét lên. “Nhưng tớ cảnh báo cậu, tớ sẽ thắng đấy.”

Chúng tôi chạy, và tôi đã thắng. Tôi chạm góc nhà bà Gloria Dump ngay trước Dunlap.

“Hai người không nên chạy trong bóng tối,” Amanda nói. Nó đang đứng ở hành lang nhìn chúng tôi. “Các cậu có thể bị vấp vào cái gì đó.”

“Ôi, Amanda,” Dunlap lắc đầu.

“Ôi, Amanda,” tôi lặp lại. Rồi tôi nhớ đến Carson và thấy thương Amanda. Tôi đi lên hành lang, nắm lấy tay nó và kéo nó đi. “Đi nào,” tôi nói, “chúng ta vào nhà nào.”

“Opal,” cha nói khi thấy tôi, Amanda và Dunlap bước vào. “Các con đến đây hát với chúng ta chứ?”

“Vâng thưa cha,” tôi trả lời. “Nhưng con không biết nhiều bài hát đến thế đâu.”

“Chúng ta sẽ dạy các con,” ông cười với tôi thật tươi. Không tệ chút nào cả!

“Đúng thế,” bà Gloria đồng tình. “Chúng ta sẽ dạy con.” Sweetie Pie vẫn ngồi trong lòng bà, nhưng hai mắt đã nhắm nghiền.

“Cháu có muốn một cái Littmus Lozenge không?” bà Franny hỏi, chuyển cho tôi tờ kẹo.

“Cháu cảm ơn,” tôi lấy một cái, bóc vỏ và đưa lên miệng.

“Một chút dưa chuột muối nhé?” bác Otis nhắc lọ dưa chuột muối khổng lồ của mình lên.

“Cháu cảm ơn, nhưng không phải bây giờ ạ.”

Winn-Dixie bước ra từ bên dưới ghế của bà Gloria Dump. Nó ngả người xuống bên cạnh tôi hệt như cách tôi đang ngả người vào cha tôi vậy. Amanda đứng ngay bên cạnh tôi, và khi tôi ngẩng lên nhìn, trông nó không còn cau có chút nào nữa.

Dunlap bẻ ngón tay và hỏi, “Chà, chúng ta có định hát hay không nhỉ?”

“Đúng thế,” Stevie lặp lại. “Chúng ta có định hát hay không nhỉ?”

“Hãy cùng hát nào,” Sweetie Pie mở mắt và ngồi thẳng dậy. “Hãy hát vì con chó.”

Otis phá lên cười và bắt đầu gảy đàn. Hương vị của cây kẹo Littmus Lozenge bắt đầu tan chảy trong miệng, vừa ngọt ngào vừa buồn bã. Rồi cả

Otis, bà Gloria, Stevie, bà Franny, Dunlap, Amanda và Sweetie, và cả cha tôi nữa bắt đầu hát. Và tôi chăm chú lắng nghe, để có thể thuộc lời thật chính xác.